



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 26

Ngày 15 tháng 4 năm 2018

## MỤC LỤC

Trang

### PHẦN VĂN BẢN KHÁC

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

30-01-2018-	Quyết định số 450/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của Quận 3.	3
05-02-2018-	Quyết định số 516/QĐ-UBND về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Cần Giờ.	12
10-02-2018-	Quyết định số 617/QĐ-UBND về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của Quận 1.	22
15-3-2018-	Quyết định số 996/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2014 - 2018.	29
27-3-2018-	Chỉ thị số 03/CT-UBND về tăng cường công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn Thành phố.	38

- 29-3-2018- Quyết định số 1198/QĐ-UBND ban hành Quy chế cung cấp thông tin, khai thác, sử dụng, quản lý cơ sở dữ liệu công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh. 51
- 29-3-2018- Chỉ thị số 04/CT-UBND về triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy đối với chung cư, nhà cao tầng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. 63

## PHẦN VĂN BẢN KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 450/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2018*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của Quận 3**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ ba; Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ năm và Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ sáu về Danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Minh;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân Quận 3 tại Tờ trình số 52/TTr-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2017; Ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 313/TTr-TNMT-QLĐ ngày 09 tháng 01 năm 2018,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của Quận 3 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính													
				P. 1	P. 2	P. 3	P. 4	P. 5	P. 6	P. 7	P. 8	P. 9	P. 10	P. 11	P. 12	P. 13	P. 14
(1)	(2)	(3)	(4) = (5)+...+(18)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>															
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>492,27</b>	<b>14,76</b>	<b>15,31</b>	<b>15,47</b>	<b>30,75</b>	<b>24,81</b>	<b>88,33</b>	<b>91,74</b>	<b>39,69</b>	<b>44,38</b>	<b>16,01</b>	<b>47,73</b>	<b>16,34</b>	<b>16,43</b>	<b>30,52</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1,66		0,01		0,06		0,39	0,62	0,003	0,11				0,47	
2.2	Đất an ninh	CAN	1,56				0,67		0,20	0,45	0,10					0,14	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK															
2.4	Đất khu chế xuất	SKT															
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN															
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	28,35	0,02	0,67	0,41	1,01	0,94	13,19	6,68	2,13	1,10	0,02	1,25	0,25	0,45	0,21
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	2,71		0,05		0,01		0,80	0,09		1,02		0,71		0,03	
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS															
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	184,61	5,83	5,30	4,56	10,53	8,10	33,54	39,36	14,15	19,85	4,83	20,14	4,98	4,94	8,50
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	2,39					0,02	0,93	1,44							
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL															
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA															
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT															
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	216,09	7,32	8,93	10,31	17,85	14,65	27,67	22,18	19,15	16,98	10,77	22,84	9,93	9,05	18,46
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ	TSC	24,13	0,24	0,09	0,10	0,11	0,40	8,10	13,05	0,63	1,07	0,10	0,05	0,05	0,04	0,10

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính													
				P. 1	P. 2	P. 3	P. 4	P. 5	P. 6	P. 7	P. 8	P. 9	P. 10	P. 11	P. 12	P. 13	P. 14
	quan																
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,92	0,01	0,06		0,06	0,55	0,06	0,06	0,05	0,05					0,02
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	2,94						2,17	0,74		0,03					
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	10,98	0,09	0,10	0,07	0,37	0,03	1,27	3,11	2,26	1,54	0,26	0,43	0,68	0,03	0,73
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	0,27							0,26				0,01			
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX															
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,22	0,01	0,03	0,02	0,028	0,01		0,08		0,01	0,01		0,01	0,01	0,01
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	4,78	1,25						1,81		1,05		0,18			0,49
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,46		0,06		0,06	0,10		0,10			0,01	0,02			0,11
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	10,17							1,70	1,21	1,55		2,10	0,45	1,28	1,89
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC															
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK															
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>															
<b>4</b>	<b>Đất khu công nghệ cao*</b>	<b>KCN</b>															
<b>5</b>	<b>Đất khu kinh tế*</b>	<b>KKT</b>															
<b>6</b>	<b>Đất đô thị*</b>	<b>KDT</b>	<b>492,27</b>	<b>14,76</b>	<b>15,31</b>	<b>15,47</b>	<b>30,75</b>	<b>24,81</b>	<b>88,33</b>	<b>91,74</b>	<b>39,69</b>	<b>44,38</b>	<b>16,01</b>	<b>47,73</b>	<b>16,34</b>	<b>16,43</b>	<b>30,52</b>

2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2018:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính													
				P. 1	P. 2	P. 3	P. 4	P. 5	P. 6	P. 7	P. 8	P. 9	P. 10	P. 11	P. 12	P. 13	P. 14
(1)	(2)	(3)	(4)= (5)+...+(18)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>															
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>32,11</b>	<b>0,01</b>		<b>0,98</b>	<b>0,36</b>	<b>0,32</b>	<b>1,04</b>	<b>10,34</b>	<b>7,80</b>	<b>5,53</b>	<b>0,90</b>	<b>2,23</b>		<b>2,30</b>	<b>0,30</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP															
2.2	Đất an ninh	CAN	0,21			0,11					0,10						
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK															
2.4	Đất khu chế xuất	SKT															
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN															
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,88					0,08		0,28	0,82	0,55	0,14			0,02	
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC															
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS															
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2,95			0,13			0,04	0,75	0,47	0,04	0,01	1,00		0,52	
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT															
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL															
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,28									0,28					
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT															
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	23,04	0,01		0,98		0,24	0,93	8,14	5,95	4,62	0,40	0,23		1,24	0,30

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính													
				P. 1	P. 2	P. 3	P. 4	P. 5	P. 6	P. 7	P. 8	P. 9	P. 10	P. 11	P. 12	P. 13	P. 14
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,29						0,02	0,27			0,01				
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,02							0,02							
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG															
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,04								0,00		0,03			0,01	
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	0,32										0,32				
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX															
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,00							0,00							
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,11							0,11							
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,03							0,03			0,001				
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON															
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC															
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,28									0,28					



3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2018:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính													
				P. 1	P. 2	P. 3	P. 4	P. 5	P. 6	P. 7	P. 8	P. 9	P. 10	P. 11	P. 12	P. 13	P. 14
(1)	(2)	(3)	(4) = (5)+(6)+...+(18)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp</b>	<b>NNP/PNN</b>															
2	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp, phi nông nghiệp</b>		<b>1,34</b>			<b>0,01</b>	<b>0,03</b>		<b>0,10</b>	<b>0,43</b>		<b>0,07</b>		<b>0,70</b>			
	<i>Trong đó:</i>																
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN															
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP															
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS															
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU															
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS															
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU															
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR (a)															

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính													
				P. 1	P. 2	P. 3	P. 4	P. 5	P. 6	P. 7	P. 8	P. 9	P. 10	P. 11	P. 12	P. 13	P. 14
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR (a)															
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR (a)															
2.10	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	1,34			0,01	0,03		0,10	0,43		0,07		0,70			

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2018: Theo kết quả thống kê trên địa bàn Quận 3 không còn đất chưa sử dụng.

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân quận 3 có trách nhiệm phối hợp thực hiện:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

2. Căn cứ kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, xác định và phê duyệt vị trí, ranh giới, diện tích công trình dự án trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm trên nền bản đồ địa chính hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã.

3. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

4. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

5. Kiểm tra, rà soát và khẩn trương hoàn tất thủ tục về đất đai (thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất) đối với các dự án chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2015 trong thời gian công bố kế hoạch sử dụng đất theo quy định tại Điều 49, Luật Đất đai.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở - ban - ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 3 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Vĩnh Tuyến**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 516/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2018*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Cần Giờ**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ ba, về Danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ năm, về điều chỉnh và bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ sáu, về Danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ tại Tờ trình số 5544/TTr-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017; Ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 467/TTr-TNMT-QLĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Cần Giờ với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

#### 1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính		
				Xã An Thới Đông	Xã Bình Khánh	Thị trấn Cần Thạnh
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(11)	(5)	(6)	(7)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>47.553,22</b>	<b>8.261,55</b>	<b>2.810,48</b>	<b>1.138,02</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA				
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>				
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	950,30	108,14	329,58	94,32
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.931,72	872,83	771,53	165,17
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	33.738,69	5.446,45		709,62
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	7.867,30	1.834,13	1.684,68	83,30
1.8	Đất làm muối	LMU	2.058,84			85,61
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	6,37		1,54	
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>21.966,19</b>	<b>2.128,54</b>	<b>1.532,91</b>	<b>1.200,74</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	27,48			5,50
2.2	Đất an ninh	CAN	12,37	5,64		1,03
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.4	Đất khu chế xuất	SKT				
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN				

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính		
				Xã An Thới Đông	Xã Bình Khánh	Thị trấn Cần Thạnh
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(11)	(5)	(6)	(7)
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	16,11		0,20	3,35
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	30,13	0,86		3,72
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	690,32	135,35	115,47	99,18
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	9,53			0,06
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	15,00	13,98	0,47	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	557,06	118,20	145,06	
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	97,00			97,00
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	29,10	6,35	0,62	14,46
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,27		0,01	0,71
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	6,06	1,05	1,04	1,29
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	18,10	0,62	4,67	2,80
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX				
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,72	1,07		0,04
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	1,46			0,89
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	2,63	0,44	0,24	0,78
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	20.128,87	1.845,00	1.265,13	908,74
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	321,42			61,20
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK				
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>925,93</b>			<b>88,11</b>
<b>4</b>	<b>Đất khu công nghệ cao*</b>	<b>KCN</b>				
<b>5</b>	<b>Đất khu kinh tế*</b>	<b>KKT</b>				
<b>6</b>	<b>Đất đô thị*</b>	<b>KDT</b>	<b>2.426,87</b>			<b>2.426,87</b>

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
			Xã Long Hòa	Xã Lý Nhơn	Xã Tam Thôn Hiệp	Xã Thạnh An
(1)	(2)	(3)	(8)	(9)	(10)	(11)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>9.372,07</b>	<b>10.016,10</b>	<b>8.667,20</b>	<b>7.287,79</b>

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
			Xã Long Hòa	Xã Lý Nhơn	Xã Tam Thôn Hiệp	Xã Thạnh An
(1)	(2)	(3)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.1	Đất trồng lúa	LUA				
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>				
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	112,53	258,34	36,75	10,65
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	409,32	352,94	304,67	55,25
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	8.117,85	4.732,77	8.044,43	6.687,57
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	504,03	3.380,77	281,36	75,89
1.8	Đất làm muối	LMU	228,33	1.286,45		458,44
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH		4,83		
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>3.428,04</b>	<b>5.796,21</b>	<b>2.400,33</b>	<b>5.479,42</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	19,02	1,80		1,16
2.2	Đất an ninh	CAN	5,48	0,22		
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.4	Đất khu chế xuất	SKT				
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN				
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	12,56			
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	3,77	2,53	19,24	0,01
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	141,97	146,86	41,31	10,19
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	9,47			
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA		0,55		
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	125,60	97,58	55,45	15,15
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT				
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	1,08	1,53	0,53	4,54
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS		0,55		
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,55	0,39	1,49	0,26
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	2,74	3,54	1,62	2,11
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX				
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,10	0,09	0,29	0,13

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
			Xã Long Hòa	Xã Lý Nhơn	Xã Tam Thôn Hiệp	Xã Thạnh An
(1)	(2)	(3)	(8)	(9)	(10)	(11)
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV		0,57		
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,38	0,51	0,14	0,15
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	3.063,36	5.461,33	2.280,26	5.305,04
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	41,36	78,16		140,70
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK				
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>473,85</b>			<b>363,97</b>
<b>4</b>	<b>Đất khu công nghệ cao*</b>	<b>KCN</b>				
<b>5</b>	<b>Đất khu kinh tế*</b>	<b>KKT</b>				
<b>6</b>	<b>Đất đô thị*</b>	<b>KDT</b>				

## 2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2018:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính		
				Xã An Thới Đông	Xã Bình Khánh	Thị trấn Cần Thạnh
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(11)	(5)	(6)	(7)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>96,85</b>	<b>27,68</b>	<b>3,61</b>	<b>25,01</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA				
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>				
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	8,52	0,68	0,76	4,81
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	36,57	14,61	0,20	10,80
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	13,74	0,04		
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	29,31	12,35	2,65	4,00
1.8	Đất làm muối	LMU	8,71			5,40
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH				
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>29,67</b>	<b>11,46</b>	<b>3,79</b>	<b>5,70</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,09			0,03
2.2	Đất an ninh	CAN	0,06			0,06
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.4	Đất khu chế xuất	SKT				
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN				
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,05			0,05



STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính		
				Xã An Thới Đông	Xã Bình Khánh	Thị trấn Cần Thạnh
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(11)	(5)	(6)	(7)
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,16			0,05
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	3,77	0,49	0,08	2,24
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT				
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA				
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	6,73	2,90	1,24	
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	0,58			0,58
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,53	0,31	0,01	0,02
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS				
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,02		0,02	
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	0,03	0,01		0,02
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX				
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH				
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV				
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN				
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	15,95	7,75	2,44	1,31
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	1,70			1,34
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK				

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
			Xã Long Hòa	Xã Lý Nhơn	Xã Tam Thôn Hiệp	Xã Thạnh An
(1)	(2)	(3)	(8)	(9)	(10)	(11)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>26,62</b>	<b>11,17</b>	<b>0,57</b>	<b>2,19</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA				
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>				
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1,37	0,70		0,20

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
			Xã Long Hòa	Xã Lý Nhơn	Xã Tam Thôn Hiệp	Xã Thạnh An
(1)	(2)	(3)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	6,62	3,36	0,37	0,61
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	13,65	0,05		
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	4,46	5,64	0,20	0,01
1.8	Đất làm muối	LMU	0,52	1,42		1,37
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH				
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>3,98</b>	<b>3,20</b>	<b>1,29</b>	<b>0,25</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,06			
2.2	Đất an ninh	CAN				
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.4	Đất khu chế xuất	SKT				
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN				
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD				
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,04	0,07		
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,52	0,10	0,15	0,19
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT				
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA				
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,97	1,27	0,31	0,04
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT				
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,02	0,17		
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS				
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON				
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD				
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX				
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH				
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV				
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN				

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
			Xã Long Hòa	Xã Lý Nhơn	Xã Tam Thôn Hiệp	Xã Thạnh An
(1)	(2)	(3)	(8)	(9)	(10)	(11)
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2,01	1,59	0,83	0,02
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,36			
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK				

### 3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2018:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính		
				Xã An Thới Đông	Xã Bình Khánh	Thị trấn Cần Thạnh
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(11)	(5)	(6)	(7)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp</b>	<b>NNP/PNN</b>	<b>157,47</b>	<b>37,43</b>	<b>19,00</b>	<b>33,71</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	8,50	2,18	5,91	0,18
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>				
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	27,08	1,91	6,28	7,97
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	54,69	18,03	2,66	12,52
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	13,74	0,04		
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	43,66	15,27	4,15	6,55
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN	9,80			6,49
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN				
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>		<b>108,16</b>	<b>9,30</b>	<b>30,00</b>	
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	40,00		30,00	
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP				
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	68,16	9,30		
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU				
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS				
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU				

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính		
				Xã An Thới Đông	Xã Bình Khánh	Thị trấn Cần Thạnh
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(11)	(5)	(6)	(7)
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR <sup>(a)</sup>				
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR <sup>(a)</sup>				
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RSX/NKR <sup>(a)</sup>				
2.10	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	3,91			3,91

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
			Xã Long Hòa	Xã Lý Nhơn	Xã Tam Thôn Hiệp	Xã Thạnh An
(1)	(2)	(3)	(8)	(9)	(10)	(11)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp</b>	<b>NNP/PNN</b>	<b>32,45</b>	<b>15,35</b>	<b>17,32</b>	<b>2,21</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN		0,23		
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>				
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	3,11	2,34	5,25	0,22
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	10,08	3,66	7,13	0,61
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	13,65	0,05		
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	5,09	7,65	4,94	0,01
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN	0,52	1,42		1,37
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN				
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>			<b>68,86</b>		
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất trồng lúa chuyên sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN		10,00		
2.2	Đất trồng lúa chuyên sang đất trồng rừng	LUA/LNP				
2.3	Đất trồng lúa chuyên sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS		58,86		
2.4	Đất trồng lúa chuyên sang đất làm muối	LUA/LMU				
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/NTS				

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân theo đơn vị hành chính			
			Xã Long Hòa	Xã Lý Nhơn	Xã Tam Thôn Hiệp	Xã Thạnh An
(1)	(2)	(3)	(8)	(9)	(10)	(11)
	chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản					
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU				
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR <sup>(a)</sup>				
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR <sup>(a)</sup>				
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RSX/NKR <sup>(a)</sup>				
2.10	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT				

#### 4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2018:

Trong năm 2018, huyện Cần Giờ không có kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng.

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ có trách nhiệm phối hợp và thực hiện:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

2. Căn cứ kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, xác định và phê duyệt vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm trên nền bản đồ địa chính hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã.

3. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

4. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, thủ trưởng các sở - ban - ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Vĩnh Tuyên**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 617/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2018*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018**  
**của Quận 1**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Căn cứ Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ ba về việc thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

- Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ sáu về việc thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân quận 1 tại Tờ trình số 3262/TTr-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2017; Ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số

---

13637/TTr-STNMT-QLĐ ngày 29 tháng 12 năm 2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của quận 1 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

### 3. Nội dung kế hoạch sử dụng đất năm 2018:

#### 3.1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Tân Định	ĐaKao	Bến Nghé	Bến Thành	Nguyễn Thái Bình	Phạm Ngũ Lão	Cầu Ông Lãnh	Cô Giang	Nguyễn Cư Trinh	Cầu Kho
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>771,81</b>	<b>63,07</b>	<b>99,27</b>	<b>248,30</b>	<b>92,65</b>	<b>49,43</b>	<b>49,56</b>	<b>22,98</b>	<b>35,86</b>	<b>76,28</b>	<b>34,41</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>											
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>771,81</b>	<b>63,07</b>	<b>99,27</b>	<b>248,30</b>	<b>92,65</b>	<b>49,43</b>	<b>49,56</b>	<b>22,98</b>	<b>35,86</b>	<b>76,28</b>	<b>34,41</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	11,54		4,43	2,36			0,80		0,02	3,93	
2.2	Đất an ninh	CAN	23,52		1,12		0,40	0,03		1,07	0,21	20,11	0,58
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK											
2.4	Đất khu chế xuất	SKT											
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN											
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	81,76	2,57	8,29	38,81	9,61	6,48	2,94	0,83	0,91	10,17	1,15
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,02										0,02
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS											
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	287,52	20,30	38,32	95,48	38,41	22,79	18,63	10,62	12,11	19,34	11,52
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	15,18			2,49	12,69						
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL											
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA											
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT											
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	199,67	33,61	31,49	24,21	20,67	12,93	16,41	8,21	16,56	21,69	13,89
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	21,56	0,50	3,98	10,30	4,21	1,39	0,11	0,12	0,46	0,41	0,08
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	6,77	0,14	0,22			0,15			2,62	0,01	3,63
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	5,75		1,37	4,38							
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	13,36	0,34	0,82	8,48	0,15	0,34	1,12	0,30	0,43	0,61	0,77



STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Tân Định	ĐaKao	Bến Nghé	Bến Thành	Nguyễn Thái Bình	Phạm Ngũ Lão	Cầu Ông Lãnh	Cô Giang	Nguyễn Cư Trinh	Cầu Kho
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	0,02	0,00							0,00	0,01	
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX											
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,10	0,01					0,02	0,01	0,02		0,04
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	50,06	0,02	5,77	28,28	6,46		9,53				
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,66	0,45	0,07		0,05			0,01	0,07		0,01
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	54,33	5,13	3,39	33,51		5,32		1,81	2,45		2,72
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC											
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK											
<b>3</b>	<b>Đất đô thị*</b>	<b>KDT</b>	<b>771,81</b>	<b>63,07</b>	<b>99,27</b>	<b>248,30</b>	<b>92,65</b>	<b>49,43</b>	<b>49,56</b>	<b>22,98</b>	<b>35,86</b>	<b>76,28</b>	<b>34,41</b>

(\*) Diện tích tự nhiên = 1 + 2 + 3

### 3.2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2018:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Tân Định	ĐaKao	Bến Nghé	Bến Thành	Nguyễn Thái Bình	Phạm Ngũ Lão	Cầu Ông Lãnh	Cô Giang	Nguyễn Cư Trinh	Cầu Kho
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>13,56</b>		<b>0,03</b>	<b>3,84</b>	<b>0,83</b>		<b>1,55</b>			<b>7,21</b>	
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1,30			1,30							
2.2	Đất an ninh	CAN	0,90									0,90	
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,30			0,43	0,17		0,34			0,36	
2.4	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1,50		0,03	0,01	0,49		0,56			0,41	



2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	NNP/NNP											
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OC T	2,29			0,81					0,46	1,02	

Ghi chú: - PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở

### 3.4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng đất năm 2018:

Hiện trạng năm 2017 trên địa bàn Quận 1 không còn đất chưa sử dụng.

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận 1 có trách nhiệm phối hợp và thực hiện:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

2. Căn cứ kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, xác định và phê duyệt vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm trên nền bản đồ địa chính hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp phường.

3. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

4. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

5. Thực hiện theo Điều 2 Nghị quyết 122/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa IX, kỳ họp thứ ba.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở - ban - ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Vĩnh Tuyền**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 996/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2018*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Kế hoạch hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật  
kỳ 2014 - 2018**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Thực hiện Kế hoạch thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thống nhất trong cả nước kỳ 2014 - 2018, được ban hành kèm theo Quyết định số 126/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét ý kiến của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1829/TTr-STP-KTrVB ngày 01 tháng 3 năm 2018;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, kỳ 2014 - 2018.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở - ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban

nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Cách Mạng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

### **Hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2014 - 2018**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2018  
của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện Kế hoạch thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thống nhất trong cả nước kỳ 2014 - 2018 ban hành kèm theo Quyết định số 126/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ;

Tiếp theo Kế hoạch công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2018 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 6386/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố;

Để việc triển khai nhiệm vụ hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo định kỳ bảo đảm tiến độ, chất lượng, bám sát Kế hoạch thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thống nhất trong cả nước kỳ 2014 - 2018 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Kế hoạch thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh kỳ 2014 - 2018 (sau đây gọi là Kế hoạch hệ thống hóa văn bản) với những nội dung cụ thể như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

- Đảm bảo triển khai kịp thời, hiệu quả, đúng yêu cầu Kế hoạch thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thống nhất trong cả nước kỳ 2014 - 2018 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện Kế hoạch của Bộ Tư pháp.

- Xác định cụ thể, chi tiết nội dung các công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành, trách nhiệm và cơ chế phối hợp của các Sở - ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân

các quận - huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc tổ chức thực hiện hệ thống hóa văn bản kỳ 2014 - 2018 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

- Bảo đảm việc công bố đầy đủ, đúng tiến độ các văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực trên địa bàn Thành phố theo quy định.

## **2. Yêu cầu**

a) Công tác hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2014 - 2018 phải đảm bảo tuân thủ thời hạn, nội dung, trình tự, tiêu chí theo quy định của các văn bản sau:

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (Điều 170);

- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Mục V Chương IX);

- Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức, quản lý công tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (Mục II Chương III);

b) Công tác rà soát, hệ thống hóa và việc báo cáo kết quả thực hiện phải bám sát yêu cầu tại các văn bản sau:

- Kế hoạch thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thống nhất trong cả nước kỳ 2014 - 2018 ban hành kèm theo Quyết định số 126/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ;

- Công văn số 6244/BTP-KTrVB ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tư pháp về việc tổ chức thực hiện hệ thống hóa văn bản QPPL kỳ 2014 - 2018;

- Công văn số 409/BTP-KTrVB ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Bộ Tư pháp về tài liệu hướng dẫn xây dựng kế hoạch và thực hiện hệ thống hóa văn bản kỳ 2014 - 2018.

c) Việc triển khai, thực hiện Kế hoạch phải đảm bảo phát huy vai trò đầu mối của cơ quan tư pháp các cấp (Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp) trong việc giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện quản lý nhà nước về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản và cơ quan có trách nhiệm thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản;

d) Phối hợp tổ chức thực hiện hệ thống hóa văn bản phải bảo đảm thường xuyên, hiệu quả giữa các Sở - ban, ngành thành phố, Trung tâm Công báo Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện với Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố và



các đơn vị có liên quan trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

đ) Xác định cụ thể thời gian hoàn thành công việc; qua kết quả hệ thống hóa kỳ 2014 - 2018 là cơ sở để tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố xử lý, đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các văn bản đã hết hiệu lực, không còn phù hợp qua rà soát (theo Công văn chỉ đạo số 5426/UBND-NCPC ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố).

e) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị khẩn trương chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch này.

## **II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN**

### **1. Đối tượng hệ thống hóa văn bản:**

Toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp còn hiệu lực, bao gồm các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành nhưng chưa có hiệu lực tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### **2. Phạm vi hệ thống hóa văn bản:**

Toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp được ban hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2018 qua rà soát xác định còn hiệu lực (bao gồm cả các văn bản được ban hành nhưng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa có hiệu lực) thuộc trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa của các cơ quan, đơn vị theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản triển khai thực hiện.

## **III. NHIỆM VỤ**

### **1. Xây dựng kế hoạch hệ thống hóa văn bản kỳ 2014 - 2018 tại Ủy ban nhân dân các cấp**

a) Cơ quan, đơn vị thực hiện:

- Sở Tư pháp tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch (đã thực hiện); phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan lập dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch này, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện căn cứ vào Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố để ban hành kế hoạch thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn quận, huyện kỳ 2014 - 2018 và phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện.

- Phòng Tư pháp chịu trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân các

quận - huyện ban hành kế hoạch hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật 2014 - 2018 trên địa bàn quận, huyện và phối hợp với các đơn vị liên quan dự toán kinh phí tổ chức thực hiện.

b) Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính.

c) Thời gian hoàn thành: Tháng 4 năm 2018.

## **2. Tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ**

Tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản cho cán bộ, công chức làm công tác pháp chế, công tác rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của các Sở - ban, ngành thành phố; cán bộ, công chức tư pháp các quận, huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Việc tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định, tổ chức bằng các hình thức phù hợp với điều kiện thực tiễn tại đơn vị mình.

a) Cơ quan thực hiện:

- Sở Tư pháp làm đầu mối tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức phụ trách công tác pháp chế, công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản của các Sở, ngành, công chức tư pháp 24 quận, huyện; chủ động liên hệ với Bộ Tư pháp để được hướng dẫn, tiếp nhận các tài liệu nghiệp vụ, biểu mẫu phục vụ công tác rà soát, hệ thống hóa để hướng dẫn, chuyển phát cho các đơn vị.

- Phòng Tư pháp các quận - huyện là đầu mối tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho công chức các phòng ban thuộc Ủy ban nhân dân các quận - huyện; công chức phường - xã - thị trấn.

b) Cơ quan phối hợp: Sở - ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện.

c) Thời gian hoàn thành: Quý II năm 2018.

## **3. Tổ chức thực hiện hệ thống hóa văn bản**

a) Cơ quan thực hiện:

- Sở Tư pháp là đầu mối giúp Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố;

- Các Sở - ban, ngành thành phố Thành phố tổ chức rà soát, thực hiện hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực cơ quan, đơn vị phụ trách, phối hợp, gửi kết quả rà soát về Sở Tư pháp để tổng hợp;

- Phòng Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân các quận - huyện tổ chức rà soát, hệ

thống văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn quận - huyện; là đầu mối tổng hợp kết quả rà soát, hệ thống hóa của các đơn vị; hướng dẫn, đôn đốc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn tổ chức thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2014 - 2018 trên địa bàn phường - xã - thị trấn.

Trong quá trình triển khai rà soát, hệ thống hóa, các cơ quan, đơn vị (nếu thấy cần thiết) có thể sử dụng cộng tác viên rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND (nêu trên).

b) Cơ quan phối hợp: Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố, Hội đồng nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn.

c) Thời gian hoàn thành:

- Trước ngày 31 tháng 12 năm 2018: Các Sở - ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện báo cáo, kèm danh mục văn bản hệ thống hóa trình Ủy ban nhân dân thành phố (gửi trực tiếp về Sở Tư pháp, kèm tập tin điện tử theo địa chỉ thư điện tử [stp@tphcm.gov.vn](mailto:stp@tphcm.gov.vn)).

- Trong tháng 02 năm 2019: Sở Tư pháp tổng hợp, rà soát, hoàn thiện trình báo cáo và danh mục văn bản hệ thống hóa cho Ủy ban nhân dân thành phố.

#### **4. Công bố kết quả hệ thống hóa văn bản kỳ 2014 - 2018**

a) Cơ quan thực hiện:

- Sở Tư pháp chịu trách nhiệm tham mưu, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, công bố kết quả hệ thống hóa văn bản kỳ 2014 - 2018 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố (Trung tâm Công báo, Trung tâm tin học, CityWeb) thực hiện thủ tục công bố kết quả hệ thống hóa tại Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân thành phố, Công báo điện tử Thành phố; trình in ấn, phát hành Tập hệ thống hóa văn bản bằng hình thức văn bản giấy theo quy định tại Khoản 7 Điều 167 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm công bố kết quả hệ thống hóa văn bản kỳ 2014 - 2018 trên địa bàn quận - huyện.

Phòng Tư pháp tham mưu, trình Ủy ban nhân dân các quận - huyện dự thảo quyết định công bố; phối hợp với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các quận - huyện niêm yết danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực tại trụ sở Ủy ban nhân dân các quận - huyện (theo quy định tại Khoản 7 Điều 167 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ); đăng kết quả hệ thống hóa lên Trang thông tin điện

tử của Ủy ban nhân dân các quận - huyện; gửi bản tập tin điện tử (có chữ ký số) về Trung tâm Công báo Thành phố để đăng tải.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn công bố kết quả hệ thống hóa văn bản kỳ 2014 - 2018 trên địa bàn phường - xã - thị trấn. Niêm yết danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực tại trụ sở; đăng kết quả hệ thống hóa lên Trang thông tin điện tử của đơn vị (nếu có).

b) Cơ quan phối hợp: Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố; Hội đồng nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn.

c) Thời gian hoàn thành: Trước ngày 01 tháng 3 năm 2019.

### **5. Báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản kỳ 2014 - 2018**

a) Cơ quan thực hiện:

- Sở Tư pháp chịu trách nhiệm tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản kỳ 2014 - 2018 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; đồng thời, giúp Ủy ban nhân dân thành phố phối hợp báo cáo tổng hợp kết quả hệ thống hóa văn bản thống nhất trong cả nước kỳ 2014 - 2018 đến Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Hội đồng nhân dân thành phố.

- Ủy ban nhân dân các quận - huyện báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản kỳ 2014 - 2018 trên địa bàn quận, huyện đến Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Tư pháp và Hội đồng nhân dân các quận - huyện.

- Phòng Tư pháp tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân các quận - huyện báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản kỳ 2014 - 2018 trên địa bàn quận, huyện; tổng hợp báo cáo kết quả hệ thống hóa của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

b) Cơ quan phối hợp: Các Sở - ban, ngành thành phố.

c) Thời gian hoàn thành: Tháng 3 năm 2019.

### **IV. KINH PHÍ**

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ ngân sách Nhà nước trong dự toán chi thường xuyên hằng năm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

- Các khoản chi cho công tác hệ thống hóa áp dụng theo quy định của Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định về việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

- Các cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì thực hiện các nhiệm vụ cụ thể quy

định trong Kế hoạch này có trách nhiệm lập dự toán và sắp xếp, bố trí kinh phí bảo đảm việc triển khai hệ thống hóa văn bản. Việc lập dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí cho công tác tổ chức triển khai thực hiện hệ thống hóa văn bản thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước.

- Đối với các cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì thực hiện các nhiệm vụ cụ thể trong Kế hoạch hệ thống hóa văn bản nhưng chưa được bố trí kinh phí cho công tác tổ chức triển khai thực hiện hệ thống hóa văn bản thì được ngân sách Nhà nước cấp bổ sung theo dự toán được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Thủ trưởng các Sở - ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ nội dung Kế hoạch này và tình hình thực tế tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình để xây dựng và ban hành kế hoạch chi tiết thực hiện hệ thống hóa văn bản bảo đảm đúng tiến độ, đạt chất lượng và có hiệu quả.

2. Giám đốc Sở Tư pháp chịu trách nhiệm tham mưu, theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các Sở - ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện tổ chức thực hiện hệ thống hóa văn bản theo đúng tiến độ; báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện Kế hoạch này.

3. Giám đốc Sở Tài chính chịu trách nhiệm tham mưu, hướng dẫn việc lập dự toán, thanh-quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch này.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm đôn đốc, chỉ đạo, hướng dẫn việc tổ chức thực hiện hệ thống hóa văn bản tại địa phương theo Kế hoạch này. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc thì kịp thời đề nghị Sở Tư pháp có hướng dẫn hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Cách Mạng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/CT-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2018*

## **CHỈ THỊ**

### **Về tăng cường công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn Thành phố**

Năm 2017, tình hình thời tiết, thiên tai có diễn biến phức tạp và trái quy luật, dù mùa mưa bão bắt đầu muộn, song số lượng bão khá nhiều, dồn dập cuối mùa; đây là năm đạt kỷ lục lịch sử của ngành khí tượng về số trận bão xuất hiện trên biển Đông với 16 cơn bão và 06 áp thấp nhiệt đới (theo dữ liệu Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn Quốc gia, thông thường trên biển Đông chỉ có khoảng 10 đến 11 cơn bão hoạt động mỗi năm); đặc biệt cơn bão số 16 - Tembin xuất hiện vào cuối mùa có hướng di chuyển phức tạp vào vùng biển Nam Bộ (gần giống cơn bão Linda năm 1997) với cường độ mạnh nhất trong khoảng 40 năm qua gây nhiều khó khăn trong công tác dự báo.

Dự báo trong năm 2018, tình hình khí tượng thủy văn, thời tiết nguy hiểm, nhất là các loại thiên tai như bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, triều cường, lốc xoáy, sạt lở, hạn hán... sẽ tiếp tục có những diễn biến phức tạp, khó lường; cụ thể như cơn bão số 01 (Bolaven) đã xuất hiện từ tháng 01 năm 2018 đi vào khu vực giữa Biển Đông, đe dọa các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ, sau đó suy yếu thành một vùng áp thấp ngay trên biển.

Qua 01 năm thực hiện Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về tăng cường công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn Thành phố, các Sở - ban - ngành, đoàn thể Thành phố và Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn đã triển khai thực hiện tốt các nội dung được phân công theo phương châm “bốn tại chỗ” và nguyên tắc “ba sẵn sàng”. Nhờ đó đã dự báo và tổ chức phòng tránh kịp thời, nhanh chóng huy động lực lượng, vật tư, kinh phí để khắc phục và giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, giúp nhân dân ổn định đời sống và sản xuất trong thời gian sớm nhất. Bên cạnh những mặt tích cực, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, công tác chỉ đạo của một số cơ quan, đơn vị

chưa quyết liệt, công tác phối hợp giữa các đơn vị đôi khi còn chậm, chưa kịp thời, đặc biệt khó khăn về nguồn vốn ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án.

Tiếp tục thực hiện chỉ đạo Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2016 về tăng cường công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn giai đoạn 2016 - 2020; xét đề nghị của Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai tại Tờ trình số 43/TTr-PCTT ngày 01 tháng 3 năm 2018, để chủ động phòng, chống, ứng phó kịp thời và có hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội của Thành phố năm 2018, Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu các Sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố và Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn triển khai thực hiện tốt các nội dung sau đây:

1. Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, Sở, ban, ngành, quận - huyện, phường - xã, thị trấn tổ chức tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm về công tác chỉ đạo, điều hành phòng, chống, ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; phát huy những ưu điểm, những chương trình, dự án, công việc mang lại hiệu quả thiết thực; đồng thời làm rõ nguyên nhân những mặt còn hạn chế, yếu kém để có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục. Chú trọng nâng cao năng lực điều hành, chỉ huy, thực hiện các biện pháp phòng, chống, ứng phó thiên tai ngay tại cơ sở, nhất là các địa bàn xung yếu. Thời gian hoàn thành chậm nhất là quý II năm 2018 và báo cáo kết quả về cho Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố tổng hợp, báo cáo cho Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Phòng chống thiên tai, Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai, Chương trình hành động và Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai trên địa bàn Thành phố (ban hành kèm theo Quyết định số 5745/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2008 và Quyết định số 3523/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố); Kế hoạch ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ đến năm 2020 (ban hành kèm theo Quyết định số 3402/QĐ-UBND ngày 10 ngày 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố); Quy chế hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tại Thành phố Hồ Chí Minh (ban hành kèm theo Quyết định số 30/2015/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố) và Phương án phòng, tránh, ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai xảy ra trên địa bàn Thành phố (ban hành kèm theo Quyết định số

5208/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố). Trường hợp có khó khăn, vướng mắc cần kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố để xem xét, giải quyết.

3. Kiện toàn tổ chức, bộ máy Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp (Thành phố, quận - huyện, phường - xã - thị trấn) theo quy định tại Luật Phòng chống thiên tai năm 2013 và Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ; đồng thời, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên để tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương, thủ trưởng đơn vị trong công tác chỉ đạo, điều hành, chỉ huy thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn ở mỗi cấp, mỗi ngành, đảm bảo kịp thời triển khai các biện pháp phòng, tránh, ứng phó hiệu quả trước, trong và sau khi thiên tai xảy ra.

#### 4. Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố:

a) Thường xuyên rà soát việc thực hiện nội dung Chỉ thị này của các địa phương, đơn vị để kịp thời đôn đốc, hướng dẫn nhằm hoàn thành tốt các công việc được giao. Kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn các Sở, ban, ngành, quận - huyện thực hiện tốt kế hoạch, phương án chủ động phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai. Điều chỉnh, bổ sung các phương án phòng, chống, ứng phó giảm nhẹ thiên tai và tìm kiếm cứu nạn sát hợp với tình hình thực tế của Thành phố. Xây dựng hoàn thiện bản đồ cảnh báo ngập lụt, nước dâng do ảnh hưởng của bão mạnh - rất mạnh ảnh hưởng đến Thành phố chi tiết đến cấp quận - huyện, phường - xã - thị trấn giúp nhân dân chủ động di dời, tránh trú an toàn.

b) Chủ trì triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng năm 2018 trên địa bàn Thành phố. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn, mô hình, kỹ năng phòng, chống thiên tai, biến đổi khí hậu dưới nhiều hình thức cho nhân dân Thành phố nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm hơn nữa trong việc chủ động tự phòng, tránh thiên tai được an toàn, hiệu quả. Tập trung đúng mức tại các địa bàn xung yếu, đối tượng dễ bị tổn thương như: người khuyết tật, người già, phụ nữ, trẻ em khi thiên tai xảy ra.

c) Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước Thành phố, các quận - huyện rà soát, phân loại và đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư nâng cấp hoặc tu sửa các công trình phòng, chống thiên tai mang tính cấp bách trong năm 2018 theo hướng đảm bảo tính hiệu quả sử dụng lâu dài. Chủ trì tổng hợp, rà soát, thống kê các phương tiện, trang thiết bị



phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn hiện có của Thành phố; phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất đầu tư bổ sung số lượng, chủng loại cần thiết trong năm 2018 theo hướng hiện đại để thực hiện có hiệu quả phương châm “bốn tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; vật tư và phương tiện tại chỗ; hậu cần tại chỗ). Chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ các dự án phòng, chống sạt lở bờ sông, kênh, rạch, bờ biển trên địa bàn Thành phố; khắc phục các sự cố về sạt lở bờ sông, kênh, rạch, bờ biển đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân, Nhà nước.

d) Chủ trì, phối hợp với Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ nghiên cứu nâng cao hơn nữa công tác dự báo, cảnh báo bão, mưa, triều và các hiện tượng thời tiết xấu được đầy đủ, chính xác phục vụ việc thông tin cảnh báo kịp thời các ảnh hưởng của thiên tai, nhất là hiện tượng mưa lớn trong thời gian sớm nhất nhằm giúp các cấp ủy Đảng, chính quyền trong công tác chỉ đạo, điều hành phòng, tránh, ứng phó thiên tai được chủ động và đạt hiệu quả. Nghiên cứu ứng dụng công nghệ trong cảnh báo giông sét trên địa bàn Thành phố; hoàn thiện nâng cấp trạm Rađa Nhà Bè đáp ứng yêu cầu trong công tác dự báo, cảnh báo thời tiết nguy hiểm ảnh hưởng đến địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

đ) Tổ chức thực hiện quy trình nhắn tin cảnh báo thiên tai cho các cấp chính quyền và nhân dân trên địa bàn Thành phố biết để chủ động phòng, tránh khi có thiên tai xảy ra.

e) Tổ chức kiểm tra công tác quản lý, thu - nộp, sử dụng, quyết toán Quỹ Phòng chống thiên tai Thành phố theo đúng quy định tại Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ ban hành Quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai; Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về quản lý, thu - nộp, sử dụng, quyết toán Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố. Hướng dẫn cho các Sở, ngành, đơn vị, quận - huyện, doanh nghiệp và người dân hiểu rõ các quy định hiện hành về thu - nộp Quỹ Phòng chống thiên tai Thành phố.

g) Phối hợp với Công ty TNHH Một thành viên khai thác thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa, Công ty Thủy điện Trị An và các đơn vị, địa phương liên quan quyết định vận hành điều tiết tích, xả lũ của hồ Dầu Tiếng và hồ Trị An hợp lý nhằm chủ động giảm lũ cho hạ du; trong tình huống bất thường tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc vận hành hồ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 471/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2016 về việc ban hành Quy

trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Đồng Nai.

h) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến trong hoạt động phòng, chống thiên tai. Tăng cường công tác trao đổi, học tập kinh nghiệm trong công tác phòng, chống, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn với các tỉnh, thành trong nước và quốc tế.

**5. Bộ Tư lệnh thành phố chủ trì, phối hợp Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy thành phố, Cảng vụ Hàng hải thành phố Hồ Chí Minh, Công an thành phố và Lực lượng Thanh niên Xung phong thành phố:**

a) Duy trì nghiêm chế độ trực, chủ động theo dõi, nắm chắc tình hình sự cố, thiên tai trên địa bàn. Chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, kiểm tra và có kế hoạch tổ chức tập kết, quản lý sử dụng các phương tiện, trang thiết bị thường trực để tham gia kịp thời, có hiệu quả công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, chữa cháy, cứu sập, sơ tán dân khi xảy ra thiên tai; đặc biệt là tại các khu vực xung yếu (trên biển, cửa biển, cửa sông, vùng nước cảng biển, ven sông, vùng trũng thấp...). Sẵn sàng phối hợp, hiệp đồng với các đơn vị ứng phó, hỗ trợ, chi viện cho các quận - huyện ngay khi có yêu cầu.

b) Chủ trì, phối hợp với Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tiếp tục rà soát phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn, từng bước đầu tư, hiện đại hóa, nâng cao năng lực cho lực lượng tìm kiếm cứu nạn nhằm đáp ứng yêu cầu cứu hộ, cứu nạn trong mọi tình huống, đặc biệt chú trọng hoàn thiện hệ thống thông tin liên lạc đảm bảo thông suốt từ cấp Thành phố đến cấp quận - huyện và phường - xã - thị trấn trong mọi tình huống thiên tai, sự cố tai nạn có thể xảy ra.

c) Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, tập huấn, diễn tập về công tác phòng, chống, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cho lực lượng cán bộ, chiến sĩ thành thực nghiệp vụ để sẵn sàng, nhanh chóng thực hiện các nhiệm vụ được giao đạt hiệu quả cao nhất.

**6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:**

a) Tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc trang bị các thiết bị thông tin liên lạc, phao cứu sinh, phương tiện, trang thiết bị đảm bảo an toàn cho tàu cá và ngư dân hoạt động trên biển. Nắm số lượng tàu cá, thuyền viên đang hoạt động đánh bắt thủy sản trên biển và ngư trường khai thác của tàu cá (đặc biệt là tàu cá đánh bắt xa bờ) để kịp thời hướng dẫn di chuyển phòng, tránh thiên tai đến nơi neo đậu an toàn.

b) Chỉ đạo Chi cục Thủy sản tổ chức hướng dẫn, bố trí neo đậu tránh trú an toàn cho các tàu thuyền hoạt động đánh bắt thủy sản khi có bão, áp thấp nhiệt đới xảy ra; chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố và Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ chuẩn bị tốt phương án hậu cần cho tàu thuyền vào neo đậu tại Khu neo đậu tránh trú bão (sông Đồng Định, huyện Cần Giờ).

c) Nghiên cứu, đề xuất chương trình hỗ trợ cho ngư dân để kết nối hệ thống thông tin liên lạc, định vị tàu cá với trạm bờ để kiểm soát tốt tàu cá khi hoạt động đánh bắt trên biển.

d) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan hướng dẫn, đôn đốc Ủy ban nhân dân các quận - huyện thực hiện có hiệu quả Đề án Quy hoạch bố trí dân cư phòng tránh thiên tai trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020 được phê duyệt tại Quyết định số 670/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố.

đ) Chỉ đạo rà soát quy hoạch sản xuất nông nghiệp, khuyến cáo người nông dân điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với khả năng cấp nước của từng vùng; chủ động theo dõi tình hình thời tiết, hạn hán, xâm nhập mặn để chỉ đạo sản xuất, nuôi trồng hiệu quả, hạn chế thiệt hại.

## 7. Sở Giao thông vận tải:

a) Chỉ đạo Công ty TNHH Một thành viên Công viên Cây xanh phối hợp với các quận - huyện khẩn trương tổ chức rà soát toàn bộ hệ thống cây xanh ven đường, công viên, khu dân cư để đốn hoặc chặt tia cành, nhánh của các cây cao, dễ gãy đổ, cây mục rỗng, sâu bệnh, tán lá lớn... đảm bảo an toàn, không để cây xanh ngã đổ do giông gió, lốc xoáy gây thiệt hại, đặc biệt là tính mạng của người dân trong khi tham gia giao thông. Nghiên cứu, rà soát phương án trồng cây xanh trên địa bàn thành phố, đảm bảo phù hợp với quy hoạch cây xanh đô thị và an toàn khi xảy ra thiên tai.

Khi xảy ra sự cố về cây xanh ngã đổ, giao Công ty TNHH Một thành viên Công viên Cây xanh khẩn trương huy động lực lượng, phương tiện tổ chức khắc phục các sự cố cây xanh nhằm giảm thiểu tối đa các thiệt hại.

b) Chỉ đạo Khu Quản lý Đường thủy nội địa đẩy nhanh tiến độ các dự án phòng, chống sạt lở đang thực hiện tại các vùng có nguy cơ sạt lở cao và nghiêm trọng nhằm bảo vệ an toàn tài sản và tính mạng cho nhân dân. Phối hợp với Cảng vụ Đường thủy nội địa, Công an thành phố (Phòng Cảnh sát đường thủy), Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý khai thác dịch vụ Thủy lợi thành phố tổ chức thả phao, phân luồng, điều

tiết giao thông tàu, thuyền trong thời gian vận hành đóng, mở cống ngăn triều trên địa bàn Thành phố.

c) Chủ trì, phối hợp với địa phương, đơn vị liên quan tăng cường kiểm tra hoạt động kinh doanh tại các bến khách ngang sông, bến đưa rước hành khách và các phương tiện vận tải hành khách lưu thông trên sông, kênh, rạch, tàu cánh ngầm; bảo đảm tuyệt đối an toàn khi tham gia giao thông đường thủy, không chở quá tải (phương tiện phải được đăng kiểm, có hệ thống thông tin liên lạc, trang bị đầy đủ áo phao, phao cứu sinh); đảm bảo an toàn cho cầu, phà, nhất là các cầu yếu.

#### 8. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Bộ Tư lệnh thành phố, Cảng vụ Hàng hải thành phố, các địa phương, đơn vị liên quan tổ chức ứng phó, khắc phục kịp thời, bảo vệ môi trường trong trường hợp xảy ra các sự cố tràn dầu (trên sông, trên biển), động đất, sóng thần. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành chức năng kiểm tra các tổng kho xăng dầu, kho chứa hóa chất độc hại, chất phóng xạ... để khuyến cáo các chủ cơ sở thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn khi xảy ra thiên tai.

b) Tập huấn phổ biến kiến thức, tuyên truyền sâu rộng đến nhân dân các tình huống và biện pháp ứng phó khi xảy ra động đất, sóng thần.

c) Chỉ đạo Ban Quản lý các Khu liên hợp xử lý chất thải tăng cường kiểm tra, giám sát các khu chứa rác thải, có phương án xử lý sự cố khi có mưa, bão, không để xảy ra tràn, sạt lở, bề bờ bao gây ô nhiễm môi trường.

d) Tình trạng khai thác, vận chuyển cát, sỏi lòng sông không phép, trái phép gây sạt lở bờ sông, kênh, rạch của tuyến sông Sài Gòn, sông Đồng Nai và vùng biển Cần Giờ đã và đang tiếp diễn rất nghiêm trọng; Ủy ban nhân dân thành phố giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Công an thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố, Sở Giao thông vận tải, các quận - huyện liên quan cùng phối hợp với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Bình Dương, Đồng Nai lập kế hoạch phối hợp tăng cường tuần tra, kiểm tra và kiên quyết xử lý dứt điểm tình trạng nêu trên, báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân Thành phố trong quý II năm 2018.

#### 9. Sở Xây dựng:

a) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận - huyện và đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra, hướng dẫn, cảnh báo các chủ đầu tư, nhà thầu thi công thực hiện nghiêm túc các biện pháp đảm bảo an toàn khi đang thi công xây dựng, lắp đặt,

sử dụng giàn giáo, vận hành cần cẩu tại các công trình đang thi công, nhất là đối với các công trình trên cao. Tổ chức rà soát, thống kê, đánh giá mức độ an toàn chịu lực đối với các công trình gồm: trụ sở làm việc, chung cư và các công trình công cộng khác đã cũ, xuống cấp, có dấu hiệu nguy hiểm, mất an toàn.

b) Phổ biến, hướng dẫn và kiểm tra các đơn vị, tổ chức, người dân thực hiện đúng tiêu chuẩn thiết kế, xây dựng các công trình công cộng, trụ sở cơ quan, nhà ở, chung cư đảm bảo chịu được bão, lốc xoáy, giông gió có cường độ cao và khả năng kháng chấn khi có động đất xảy ra.

c) Chủ trì, rà soát, kiểm tra chất lượng an toàn của các pa nô, áp phích, biển quảng cáo đúng yêu cầu kỹ thuật quy định nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối, có khả năng chống chịu được sức gió mạnh khi có mưa giông, gió giật xảy ra.

#### **10. Sở Văn hóa và Thể thao:**

Phối hợp với Sở Xây dựng tăng cường kiểm tra các doanh nghiệp quảng cáo thực hiện chằng chống, gia cố các pa nô, biển quảng cáo đúng các yêu cầu kỹ thuật quy định nhằm đảm bảo an toàn khi có bão, lốc xoáy, giông gió.

#### **11. Sở Du lịch:**

Chủ trì, phối hợp Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH Một thành viên yêu cầu các doanh nghiệp khi tổ chức sự kiện, du lịch, tham quan, lễ hành phải đảm bảo an toàn cho du khách trên tàu, thuyền di chuyển trên sông, trên biển; trang bị đầy đủ các thiết bị thông tin liên lạc tìm kiếm cứu nạn sẵn sàng kết nối với các đơn vị chuyên nghiệp cứu hộ, cứu nạn; khuyến cáo khách không tắm biển trong điều kiện thời tiết nguy hiểm, tuân thủ nghiêm túc nội quy tại các khu du lịch, tham quan, nghỉ dưỡng.

#### **12. Sở Thông tin và Truyền thông:**

Chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông kiểm tra các trạm tiếp sóng viễn thông, bảo đảm cho mạng thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, tiếp nhận, xử lý thông tin trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thông suốt trong mọi tình huống.

#### **13. Sở Y tế, Hội Chữ thập đỏ thành phố:**

a) Chuẩn bị đủ lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, vật tư y tế và cơ số thuốc để đáp ứng nhu cầu cứu thương, chăm sóc sức khỏe cho người dân, phòng ngừa dịch bệnh và khắc phục môi trường sau thiên tai để đảm bảo điều kiện sinh hoạt cho nhân dân.

b) Chủ trì, phối hợp chặt chẽ với lực lượng vũ trang làm tốt công tác kết hợp quân - dân y trong phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai.

c) Hội Chữ thập đỏ thành phố phối hợp Sở Y tế và Ủy ban nhân dân các quận - huyện tổ chức các lớp tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu cho lực lượng tại chỗ làm công tác tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn nhằm thực hiện có hiệu quả phương châm “bốn tại chỗ” của địa phương.

#### **14. Tổng Công ty Điện lực thành phố - TNHH:**

a) Kiểm tra, đảm bảo tình trạng vận hành an toàn, ổn định hệ thống điện, thiết bị điện, trạm biến thế, công trình điện lực;

b) Đảm bảo nguồn điện liên tục cho các cơ quan trọng yếu của Thành phố, quận - huyện, bệnh viện, trạm bơm chống úng, cống ngăn triều (bao gồm huy động nguồn máy phát dự phòng tại chỗ);

c) Khi có sự cố trên lưới điện do các tình huống thời tiết xấu hoặc thiên tai: chủ động cắt điện để phòng tránh sự cố. Ngay sau đó, phải chủ động phối hợp và hỗ trợ khách hàng trong công tác tái lập điện phục vụ sản xuất, sinh hoạt trong thời gian sớm nhất, đặc biệt là cho cơ quan chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp, cơ sở y tế, cung cấp nước sạch, viễn thông, phát thanh, truyền hình, các trạm bơm tiêu nước chống úng ngập.

#### **15. Trung tâm Điều hành Chương trình chống ngập nước thành phố:**

a) Quản lý, duy tu, vận hành có hiệu quả hệ thống thoát nước, các cống kiểm soát triều, van ngăn triều, trạm bơm theo phân cấp; tổ chức ứng trực, huy động máy bơm, thiết bị để kịp thời ứng cứu các điểm ngập nặng phát sinh trong khu vực nội thị. Tiếp tục rà soát, lắp đặt van ngăn triều tại các cửa xả quan trọng, xây dựng tuyến kè tạm để hạn chế tình trạng ngập nước do triều cường; tăng cường nạo vét thông thoáng kênh, rạch, cửa xả để tăng khả năng thoát nước, hạn chế thấp nhất tình trạng ngập kéo dài đối với khu vực nội thị; tổ chức ứng cứu các vị trí ngập nặng khi xảy ra tổ hợp bất lợi.

b) Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án thuộc Quy hoạch thủy lợi chống ngập úng khu vực Thành phố Hồ Chí Minh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

c) Sớm tổ chức nghiệm thu và bàn giao công trình hoàn thành cho đơn vị tiếp nhận quản lý chịu trách nhiệm khắc phục hư hỏng, sửa chữa, vận hành, duy tu, bảo dưỡng, phát huy đồng bộ hiệu quả ngăn triều của Công trình thủy lợi bờ hữu ven sông Sài Gòn trong quý I năm 2018.

**16. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính:**

Ưu tiên bố trí vốn cho các công trình phòng, chống thiên tai và kinh phí đầu tư mua sắm phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ để giảm thiểu thiệt hại đến mức thấp nhất khi có thiên tai.

**17. Đề nghị Thành Đoàn thành phố Hồ Chí Minh:**

Chủ trì, phối hợp với quận - huyện tổ chức các chương trình tập bơi cho các em thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn, sinh sống ở địa bàn ven sông, kênh, rạch, không để xảy ra tình trạng trẻ em bị đuối nước trên địa bàn Thành phố.

**18. Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố (Hepza), Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố:**

Chủ động thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn các kho hàng, nhà xưởng trọng yếu. Đặc biệt, đối với các doanh nghiệp, nhà máy, xí nghiệp ven sông phải đề phòng tình huống mưa to kết hợp triều cường gây sạt lở đất ảnh hưởng đến an toàn tính mạng cho người lao động.

**19. Ủy ban nhân dân các quận - huyện:**

a) Rà soát, hoàn chỉnh các Phương án phòng, chống, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của quận - huyện tương ứng với từng loại hình thiên tai, cấp độ rủi ro thiên tai. Đồng thời, thống kê các phương tiện, trang thiết bị hiện có hoặc tổ chức hiệp đồng với chủ các phương tiện cơ giới, vật tư, thiết bị trên địa bàn để kịp thời huy động, trưng dụng khi cần thiết. Tại các địa điểm tạm cư phải được tổ chức chu đáo, chuẩn bị đầy đủ lương thực, thực phẩm, nước uống, điều kiện sinh hoạt, đảm bảo môi trường, vệ sinh cho nhân dân.

b) Ủy ban nhân dân các quận - huyện gồm: quận 12, quận Bình Thạnh, quận Thủ Đức, huyện Nhà Bè, huyện Bình Chánh, huyện Hóc Môn, huyện Củ Chi, huyện Cần Giờ tập trung chỉ đạo các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thi công, hoàn thành dứt điểm các công trình phòng, chống thiên tai đã có chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố trong quý II năm 2018; phối hợp với chủ đầu tư các dự án tiêu thoát nước, chống ngập đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng để dự án sớm được triển khai thi công và hoàn thành đưa vào sử dụng đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình; nếu quận - huyện nào để xảy ra tình trạng bể bờ bao, tràn bờ bao, sạt lở bờ sông, kênh, rạch (đã được cảnh báo của cơ quan chức năng) ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất, tài sản và tính mạng của nhân dân thì lãnh đạo quận - huyện đó phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố.

c) Tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp san lấp, lấn chiếm sông, kênh, rạch gây sạt lở, làm tắc nghẽn dòng chảy, hướng thoát nước tự nhiên trên địa bàn mình quản lý. Chỉ đạo Lực lượng Quản lý đê nhân dân tăng cường kiểm tra phát hiện, báo cáo kịp thời những vị trí đê bao hư hỏng, xuống cấp để có biện pháp xử lý, khắc phục hạn chế tình trạng bề bờ, tràn bờ bao gây ngập úng ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt và sản xuất của nhân dân.

d) Rà soát, kiểm tra, yêu cầu các chủ đầu tư, các hộ dân thực hiện nghiêm túc trách nhiệm sửa chữa, gia cố các đoạn bờ bao nằm trong khu đất đang quản lý, sử dụng; đảm bảo tính đồng bộ ngăn triều trên toàn tuyến, không để tràn, bề và sạt lở bờ bao. Đối với các chủ đầu tư xây dựng dự án hạ tầng, khu dân cư, các hộ dân có đất nhưng bỏ hoang không sản xuất, không xây dựng công trình, không bảo vệ, duy tu bờ bao trên phần đất của mình, các địa phương có biện pháp xử lý kiên quyết, phạt hành chính, thu hồi hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

đ) Tổ chức kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn và đề xuất giải pháp xử lý đối với các nhà ở, chung cư cũ, xuống cấp do địa phương quản lý. Khuyến cáo chủ đầu tư, người dân có sở hữu các công trình ngầm chuẩn bị và thực hiện tốt nhất phương án chống ngập khi mưa bão, triều cường.

e) Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, tập huấn và diễn tập về công tác phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai giúp cho cán bộ quản lý, nhân dân trên địa bàn nâng cao ý thức chủ động phòng, ngừa ảnh hưởng của thiên tai đạt hiệu quả, từ đó góp phần giảm thiểu tối đa thiệt hại do thiên tai gây ra.

g) Hoàn thành thanh quyết toán kinh phí tạm ứng từ nguồn Quỹ Phòng chống thiên tai Thành phố để đầu tư công trình, mua sắm trang thiết bị, phương tiện còn tồn đọng qua các năm. Tổ chức triển khai việc thu Quỹ Phòng chống thiên tai trong doanh nghiệp và công dân đạt kết quả cao theo quy định của Thành phố.

h) Khẩn trương tổ chức thực hiện các dự án di dời bố trí dân cư phòng tránh thiên tai ở các quận - huyện có liên quan theo Quyết định số 670/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Đề án Quy hoạch bố trí dân cư phòng tránh thiên tai trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020. Đối với trường hợp cần phải di dời dân khẩn cấp để phòng, tránh thiên tai, giao Ủy ban nhân dân các quận - huyện sử dụng nguồn ngân sách dự phòng của địa phương tạm ứng để bố trí di dời khẩn cấp tránh trường hợp xảy ra thiệt hại về người và tài sản; đồng thời Ủy ban nhân dân các quận - huyện có báo cáo



Ủy ban nhân dân Thành phố thông qua Sở Tài chính để tham mưu, trình duyệt.

i) Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ nghiên cứu đề xuất chủ trương đầu tư hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng (đường, cầu cảng, nhà quản lý, nhân sự) phục vụ cho công tác quản lý Khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão và tạo điều kiện thuận lợi cho ngư dân khi cho tàu thuyền vào neo đậu tránh trú bão theo quy định tại Nghị định số 80/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ về quản lý cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

k) Khi có thiên tai xảy ra, Ủy ban nhân dân các quận - huyện khẩn trương chỉ đạo thực hiện việc thống kê, kiểm kê, đánh giá chính xác mức độ thiệt hại theo Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra và Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định về chính sách và mức hỗ trợ khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn Thành phố; đề xuất nhu cầu hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn đảm bảo kịp thời, đúng chính sách, chế độ; báo cáo về Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội thành phố.

**20.** Đài Truyền hình thành phố, Đài Tiếng nói nhân dân thành phố và các cơ quan Báo chí Thành phố cung cấp thông tin, cảnh báo, dự báo tình hình diễn biến thời tiết, thiên tai một cách nhanh chóng, kịp thời, chính xác; tăng thời lượng phát sóng các chương trình tuyên truyền các biện pháp phòng ngừa thiên tai để nhân dân biết và tự chủ động phòng, tránh, ứng phó an toàn.

**21.** Các thành viên Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố phối hợp cùng Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố và các Sở, ngành liên quan lập Đoàn kiểm tra công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tại một số quận - huyện trọng điểm ngay trước mùa mưa bão năm 2018.

**22.** Các Sở, ban, ngành, các Tổng Công ty đóng trên địa bàn Thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai thực hiện tốt công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong phạm vi đơn vị mình. Đồng thời, phải chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, vật tư cần thiết để tham gia phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo yêu cầu, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố và Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn

thành phố.

**23.** Các cấp, các ngành, các đơn vị tổ chức trực ban nghiêm túc, đảm bảo chế độ thông tin, báo cáo, đặc biệt là khi có thiên tai xảy ra và trong những ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố. Trường hợp có sự cố thiên tai xảy ra trên địa bàn, yêu cầu các quận - huyện phải cử lãnh đạo xuống trực tiếp tại địa bàn và báo cáo kịp thời về Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố để tham mưu chỉ đạo, ứng phó đạt hiệu quả. Số điện thoại trực ban: (028) 38 297 598; số fax: (028) 38 232 742.

Chỉ thị này có hiệu lực kể từ ngày ký; bãi bỏ Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về tăng cường công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn Thành phố. Yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố, các Tổng Công ty, cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn Thành phố, các thành viên Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã - thị trấn triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Lê Thanh Liêm**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1198/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2018*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế cung cấp thông tin, khai thác, sử dụng, quản lý  
cơ sở dữ liệu công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1104/STP-BTTP ngày 02 tháng 02 năm 2018,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế cung cấp thông tin, khai thác, sử dụng, quản lý cơ sở dữ liệu công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh (*sau đây gọi là Quy chế*).

**Điều 2.** Giao Sở Tư pháp tiếp tục chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng hoàn chỉnh theo quy định của Luật công chứng và chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Tư pháp; chủ trì, phối hợp với Hội Công chứng viên Thành phố phổ biến, quán triệt việc thực hiện Quy chế cho các tổ chức hành nghề công chứng và công chứng viên trên địa bàn Thành phố; phổ biến Quy chế cho các Văn phòng Thừa phát lại trên địa bàn Thành phố, Doanh nghiệp tham gia xây dựng Phần mềm Quản lý hồ sơ công chứng và Chương trình thông tin ngăn chặn, các cơ quan có thẩm quyền ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn có trụ sở tại Thành phố.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp,

Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, Giám đốc Trung tâm Thông tin và tư vấn công chứng, các tổ chức hành nghề công chứng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Phong**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

### **Cung cấp thông tin, khai thác, sử dụng, quản lý cơ sở dữ liệu công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1198/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2018  
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

### **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh**

Quy chế này quy định việc cung cấp thông tin, khai thác, sử dụng, quản lý cơ sở dữ liệu công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh, áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân được khai thác, sử dụng, quản lý cơ sở dữ liệu công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh và cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn, có thông tin tham khảo liên quan đến hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền công chứng của các tổ chức hành nghề công chứng tại Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh (*sau đây gọi tắt là Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử*) được chứa trong các phần mềm: Chương trình thông tin ngăn chặn và Phần mềm quản lý hồ sơ công chứng.

2. Ngăn chặn: là việc cơ quan có thẩm quyền, trong các trường hợp theo quy định của pháp luật, có văn bản đề nghị ngừng công chứng hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản, cá nhân, tổ chức. Văn bản ngăn chặn là căn cứ để Công chứng viên xem xét việc không thực hiện công chứng hợp đồng, giao dịch có liên quan.

3. Giải tỏa ngăn chặn: là việc cơ quan có thẩm quyền có văn bản hủy bỏ việc ngăn chặn của chính cơ quan đó hoặc của cơ quan có thẩm quyền khác trong các trường hợp pháp luật có quy định.

4. Thông tin tham khảo: là việc cơ quan, tổ chức, cá nhân, trong các trường hợp pháp luật không quy định, có văn bản đề nghị ngừng công chứng hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản, cá nhân, tổ chức.

**Điều 3. Nguyên tắc cung cấp thông tin, khai thác, sử dụng và quản lý Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử**

1. Việc cung cấp thông tin, khai thác, sử dụng và quản lý Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử được thực hiện theo quy định pháp luật, Quy chế này, hướng dẫn của Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm Thông tin và tư vấn công chứng Thành phố Hồ Chí Minh (*sau đây gọi tắt là Trung tâm Thông tin và tư vấn công chứng*).

2. Các tổ chức hành nghề công chứng phải chia sẻ thông tin về nguồn gốc tài sản, tình trạng giao dịch của tài sản và các thông tin khác về biện pháp ngăn chặn được áp dụng đối với tài sản có liên quan đến hợp đồng, giao dịch do Công chứng viên của tổ chức mình thực hiện công chứng để đưa vào Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử theo quy định pháp luật.

3. Cá nhân, tổ chức cung cấp thông tin, khai thác, sử dụng, quản lý Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử phải thực hiện nghiêm túc và đầy đủ trách nhiệm khi cung cấp thông tin, khai thác, sử dụng, quản lý Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử đúng mục đích, không sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử vào những mục đích trái pháp luật, mục đích khác không phục vụ cho hoạt động công chứng của tổ chức mình hay hoạt động quản lý nhà nước về công chứng.

4. Công chứng viên xem xét, quyết định việc công chứng hợp đồng, giao dịch theo quy định, chịu trách nhiệm trước pháp luật và người yêu cầu công chứng về văn bản công chứng theo quy định pháp luật.

5. Cá nhân, tổ chức yêu cầu ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn, thông tin tham khảo chịu trách nhiệm về tính chính xác, đúng đắn, hợp pháp và kịp thời đối với các yêu cầu của mình cũng như về các hệ quả xảy ra do yêu cầu của mình.

6. Thông tin có trong Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử, kể cả các thông tin về tạo lập, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, chấm dứt, đơn phương chấm dứt hợp đồng, giao dịch, sửa lỗi kỹ thuật đối với hợp đồng, giao dịch, phải trung thực, chính xác với văn bản ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn, hồ sơ công chứng gốc.

7. Việc cung cấp thông tin cho Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử phải chính xác,

đầy đủ, đảm bảo thời hạn quy định.

8. Cá nhân, tổ chức được cấp tài khoản khai thác, sử dụng, quản lý Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử có trách nhiệm quản lý, bảo mật tài khoản được cấp và chịu trách nhiệm về mọi tác động của tài khoản được cấp đối với Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử.

9. Cá nhân, tổ chức cung cấp thông tin, khai thác, sử dụng và quản lý Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử vi phạm Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, sẽ bị nhắc nhở, cảnh cáo, khóa tài khoản theo Quy chế này, xử phạt vi phạm hành chính hoặc hình thức xử lý khác theo quy định pháp luật.

10. Doanh nghiệp tham gia xây dựng Phần mềm Quản lý hồ sơ công chứng và Chương trình thông tin ngăn chặn vi phạm Quy chế này sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật và hợp đồng hợp tác.

#### **Điều 4. Những hành vi bị nghiêm cấm**

1. Truy cập vào Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử bằng tài khoản của người khác.

2. Đề cho người khác sử dụng tài khoản của mình truy cập vào Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử.

3. Truy cập vào Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử để thực hiện các công việc không được giao.

4. Sửa đổi, xóa bỏ thông tin trong Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử trái với quy định, thẩm quyền, hướng dẫn của Sở Tư pháp và Trung tâm Thông tin và tư vấn công chứng; làm biến dạng giao diện, làm sai lệch hệ thống quản trị, thay đổi cấu trúc dữ liệu hay bất kỳ hành vi nào khác tác động đến hoạt động hay thông tin có trong Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử.

5. Thay đổi quy trình khai thác, sử dụng, quản lý Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử trái quy định, thẩm quyền, hướng dẫn của Sở Tư pháp và Trung tâm Thông tin và tư vấn công chứng.

6. Sử dụng thông tin có trong Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử cho mục đích trái pháp luật, mục đích khác không phục vụ cho hoạt động công chứng của tổ chức mình hay hoạt động quản lý nhà nước về công chứng.

7. Không cập nhật thông tin hoặc cập nhật thông tin không chính xác, không đầy đủ, không đảm bảo thời gian quy định vào các trường, mục của Cơ sở dữ liệu công

chứng điện tử.

8. Tiết lộ trái pháp luật các thông tin về cá nhân, tổ chức, tài sản và các thông tin khác mà mình biết được trong quá trình khai thác, sử dụng, quản lý Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử.

9. Vi phạm pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử.

10. Những hành vi vi phạm pháp luật khác.

## CHƯƠNG II

### CUNG CẤP THÔNG TIN, KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU CÔNG CHỨNG ĐIỆN TỬ TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

#### **Điều 5. Gửi văn bản ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn và thông tin tham khảo**

1. Bản chính văn bản ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án quân sự trung ương, Tòa án quân sự quân khu và tương đương, Tòa án quân sự khu vực, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát quân sự trung ương, Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương, Viện kiểm sát quân sự khu vực được gửi đến Trung tâm Thông tin và tư vấn công chứng để cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử.

2. Bản chính văn bản, quyết định có liên quan đến việc kê biên tài sản, chấm dứt kê biên tài sản, tạm ngừng việc chuyển quyền sở hữu tài sản, chấm dứt tạm ngừng việc chuyển quyền sở hữu tài sản và các trường hợp cần ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn khác của Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh, Cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện, Cơ quan thi hành án cấp quân khu, Văn phòng Thừa phát lại ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khác được gửi đến Trung tâm Thông tin và tư vấn công chứng để cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện, Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố và các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại các quận - huyện của Thành phố Hồ Chí Minh gửi bản chính văn bản thông tin về các trường hợp thu hồi đất, thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản



khác gắn liền với đất, mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, mất phiôi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và các trường hợp cần ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn khác đến Trung tâm Thông tin và tư vấn công chứng để cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử.

4. Bản chính văn bản thông tin về các trường hợp ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn giao dịch liên quan đến tài sản, giả mạo người, giả mạo giấy tờ để giao dịch về tài sản, lừa đảo tài sản và các trường hợp cần ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn khác của Cơ quan điều tra của Công an nhân dân (*Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an, Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện*), Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân (*Cơ quan An ninh điều tra Bộ Quốc phòng, Cơ quan An ninh điều tra quân khu và tương đương, Cơ quan điều tra hình sự Bộ Quốc phòng, Cơ quan điều tra hình sự quân khu và tương đương, Cơ quan điều tra hình sự khu vực*), Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao (*Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát quân sự trung ương*), các cơ quan của Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, Cảnh sát biển, Kiểm ngư, Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Công an cấp tỉnh, Công an cấp huyện, Công an cấp xã được gửi đến Trung tâm Thông tin và tư vấn công chứng để cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử.

5. Các tổ chức hành nghề công chứng và Công chứng viên trên địa bàn Thành phố gửi bản chính văn bản thông tin về các trường hợp có dấu hiệu giả mạo người, giả mạo giấy tờ để thực hiện giao dịch, các trường hợp chấm dứt, đơn phương chấm dứt, hủy bỏ ủy quyền liên quan đến tài sản, sót thừa kế đến Trung tâm Thông tin và tư vấn công chứng để cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử.

#### **Điều 6. Chia sẻ thông tin về lịch sử giao dịch**

1. Tổ chức hành nghề công chứng tổ chức cập nhật chính xác, đầy đủ, cùng thời điểm thụ lý, công chứng các thông tin về hợp đồng, giao dịch mà tổ chức mình thụ lý, công chứng vào các trường, mục của Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử.

2. Công chứng viên và nhân viên tổ chức hành nghề công chứng chia sẻ và tra cứu thông tin trong Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử khi thụ lý, giải quyết yêu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch.

3. Sở Tư pháp hướng dẫn quy trình chia sẻ thông tin trong Cơ sở dữ liệu công

chứng điện tử.

**Điều 7. Cung cấp thông tin trong Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử cho cá nhân, tổ chức**

1. Trung tâm Thông tin và tư vấn công chứng cung cấp thông tin về ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn trong Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức.

2. Cá nhân, tổ chức khai thác, sử dụng, quản lý Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử không được cung cấp thông tin về lịch sử giao dịch trong Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử, trừ trường hợp phục vụ cho yêu cầu công chứng mà tổ chức mình đang thụ lý, công chứng, cho công tác quản lý nhà nước hoặc theo quy định pháp luật.

**Điều 8. Cấp tài khoản khai thác, sử dụng, quản lý Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử**

1. Tổ chức hành nghề công chứng, Công chứng viên, nhân viên tổ chức hành nghề công chứng, cá nhân, tổ chức được giao quản lý Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử hoặc thực hiện công tác quản lý nhà nước về hoạt động công chứng được cấp tài khoản khai thác, sử dụng, quản lý Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử tương ứng với nhiệm vụ, công việc được giao.

2. Sở Tư pháp hướng dẫn các trường hợp và điều kiện cấp tài khoản khai thác, sử dụng, quản lý Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử.

**Điều 9. Khóa tài khoản khai thác, sử dụng, quản lý Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử**

1. Cá nhân, tổ chức đã được cấp tài khoản khai thác, sử dụng, quản lý Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử có thể bị khóa tài khoản có thời hạn hoặc vĩnh viễn.

2. Sở Tư pháp hướng dẫn các trường hợp, điều kiện khóa tài khoản có thời hạn hoặc vĩnh viễn và việc cấp lại tài khoản.

**Điều 10. Sao lưu**

1. Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử phải được sao lưu thường xuyên trong ngày, lưu trữ, bảo quản cẩn thận, có hệ thống.

2. Sở Tư pháp hướng dẫn việc sao lưu Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử.

**Điều 11. Chi phí khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử**

1. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử nộp các chi phí liên quan đến việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử.

2. Trung tâm Thông tin và tư vấn công chứng thu các chi phí liên quan đến việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử. Việc nộp, quản lý, sử dụng các chi phí liên quan đến việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử được thực hiện theo quy định pháp luật

3. Sở Tư pháp quyết định phương án thu của Trung tâm Thông tin và tư vấn công chứng.

### **Điều 12. Việc quản lý Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử**

1. Sở Tư pháp thực hiện quản lý Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử theo các nội dung sau đây:

- a) Quản lý, quản trị Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử, cấp và khóa tài khoản.
- b) Cài đặt, đào tạo việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử.
- c) Tiếp nhận và cập nhật thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn vào Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử.

d) Hướng dẫn các nội dung cần có khi cung cấp thông tin ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn và cách thức gửi văn bản cung cấp thông tin cho Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử. Sở Tư pháp căn cứ vào quy định pháp luật và tình hình thực tế hướng dẫn các trường hợp cần cập nhật thông tin tham khảo vào Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử.

đ) Hướng dẫn các yêu cầu về cơ sở vật chất, đường truyền để cài đặt và sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử.

- e) Hướng dẫn việc khai thác, sử dụng, quản lý Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử.

g) Xây dựng, nâng cấp các chương trình về Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử để đáp ứng nhu cầu hoạt động công chứng và công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động công chứng.

2. Trung Tâm Thông tin và Tư vấn công chứng giúp Sở Tư pháp thực hiện các quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 và Khoản 1 Điều 12 Quy chế này.

## **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 13. Sở Tư pháp**

1. Phổ biến, triển khai Quy chế này và quản lý Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử theo quy định pháp luật và Quy chế này.

2. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ban, ngành khác xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu công chứng, xây dựng công cụ chia sẻ thông tin về nguồn gốc tài sản, chủ sở hữu tài sản và các thông tin khác liên quan đến tình trạng giao dịch của tài sản, thông tin về biện pháp ngăn chặn.

3. Theo dõi, tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Quy chế này để báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố; trình Ủy ban nhân dân Thành phố việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này khi cần thiết.

4. Hoàn thành việc xây dựng, sử dụng, khai thác, quản lý Kho lưu trữ hồ sơ công chứng Thành phố đúng quy định, đảm bảo yêu cầu, mục đích đề ra.

5. Phối hợp với các sở, ban, ngành nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu công chứng theo quy định của Luật công chứng.

#### **Điều 14. Sở Tài nguyên và Môi trường**

1. Hoàn thiện hệ thống thông tin về nguồn gốc tài sản, chủ sở hữu tài sản, người có quyền sử dụng đất, lịch sử giao dịch, biện pháp ngăn chặn liên quan đến bất động sản tại Thành phố.

2. Phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng công cụ chia sẻ thông tin về nguồn gốc tài sản, chủ sở hữu tài sản, người có quyền sử dụng đất, lịch sử giao dịch, biện pháp ngăn chặn liên quan đến bất động sản tại Thành phố với cơ sở dữ liệu công chứng do Sở Tư pháp quản lý.

3. Trong thời gian chưa có công cụ chia sẻ thông tin nêu tại Khoản 2 Điều này, Sở Tài nguyên và Môi trường có giải pháp cung cấp thông tin về nguồn gốc tài sản, chủ sở hữu tài sản, người có quyền sử dụng đất, lịch sử giao dịch, biện pháp ngăn chặn liên quan đến bất động sản tại Thành phố theo yêu cầu của Trung tâm Thông tin và tư vấn công chứng và các tổ chức hành nghề công chứng tại Thành phố.

4. Phối hợp với Sở Tư pháp nghiên cứu, tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu công chứng theo quy định của Luật công chứng.

#### **Điều 15. Sở Thông tin và Truyền thông**

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng

công cụ chia sẻ thông tin về nguồn gốc tài sản, chủ sở hữu tài sản, người có quyền sử dụng đất, lịch sử giao dịch, biện pháp ngăn chặn liên quan đến bất động sản tại Thành phố với cơ sở dữ liệu công chứng do Sở Tư pháp quản lý, nhằm hoàn thiện cơ sở dữ liệu công chứng của Thành phố.

2. Phối hợp với Sở Tư pháp nghiên cứu, tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu công chứng theo quy định của Luật công chứng.

### **Điều 16. Sở Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp thẩm định dự toán và trình Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kinh phí để xây dựng, hoàn thiện và triển khai thực hiện cơ sở dữ liệu công chứng.

### **Điều 17. Hội Công chứng viên Thành phố**

Hội Công chứng viên Thành phố yêu cầu Công chứng viên là hội viên thực hiện nghiêm túc quy định pháp luật về chia sẻ thông tin và Quy chế này nhằm góp phần nâng cao chất lượng hoạt động công chứng tại Thành phố; có biện pháp xử lý nghiêm khắc đối với các hành vi không chia sẻ thông tin kịp thời, trung thực, hoặc hành vi vi phạm khác liên quan đến Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử, làm ảnh hưởng đến hoạt động công chứng, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, an toàn pháp lý trong các hợp đồng, giao dịch.

### **Điều 18. Trung tâm Thông tin và tư vấn công chứng**

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý, cung cấp thông tin Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Tham mưu cho Sở Tư pháp tổ chức triển khai, theo dõi tình hình, hướng dẫn, kiểm tra, giải quyết khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy chế, sơ kết, tổng kết và đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Quy chế này.

### **Điều 19. Tổ chức hành nghề công chứng và công chứng viên**

1. Phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan đến việc cung cấp thông tin, khai thác, sử dụng, quản lý Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử.

2. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn cung cấp thông tin, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử theo quy định của Quy chế này.

3. Phối hợp với Sở Tư pháp, Trung tâm Thông tin và tư vấn công chứng thường

xuyên theo dõi, báo cáo khó khăn vướng mắc, đề xuất hoàn thiện Cơ sở dữ liệu công chứng điện tử và Quy chế này.

**Điều 20. Các cơ quan có thẩm quyền ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn**

Đề nghị các cơ quan phối hợp với Sở Tư pháp và Trung tâm Thông tin và tư vấn công chứng phổ biến, triển khai thực hiện Quy chế này và cung cấp thông tin liên quan đến việc ngăn chặn, giải tỏa ngăn chặn kịp thời, chính xác, đầy đủ.

**Điều 21. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện**

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện phối hợp với Sở Tư pháp phổ biến, triển khai thực hiện Quy chế này, xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu công chứng, xây dựng cơ chế liên thông dữ liệu về nguồn gốc tài sản, chủ sở hữu tài sản và các thông tin khác liên quan đến tình trạng giao dịch của tài sản, thông tin về biện pháp ngăn chặn, nghiên cứu, tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu công chứng theo quy định của Luật công chứng./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Phong**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/CT-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2018*

## **CHỈ THỊ**

### **Về triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy đối với chung cư, nhà cao tầng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

Trong thời gian vừa qua, tình hình cháy, nổ trong cả nước nói chung, trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh nói riêng diễn biến phức tạp và có chiều hướng gia tăng các vụ cháy lớn gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản. Theo thống kê trong năm 2017, trên địa bàn thành phố đã xảy ra 1.007 vụ cháy, làm chết 26 người, bị thương 44 người, thiệt hại về tài sản khoảng 92,5 tỷ đồng. Đặc biệt ngày 23 tháng 3 năm 2018, đã xảy ra vụ cháy lớn, gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản tại Chung cư Carina Plaza trên đường Võ Văn Kiệt, Phường 16, Quận 8, vụ cháy đã làm chết 13 người và 51 người bị thương, làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội và gây bất an đối với người dân đang sinh sống trong các chung cư, nhà cao tầng.

Nguyên nhân dẫn đến cháy lớn gây hậu quả thiệt hại nghiêm trọng chủ yếu do chủ đầu tư không thực hiện đầy đủ trách nhiệm phòng cháy, chữa cháy, không tổ chức thực hiện nghiêm các điều kiện an toàn phòng cháy, chữa cháy; hệ thống báo cháy chữa cháy không hoạt động dẫn đến việc phát hiện cháy của lực lượng tại chỗ không kịp thời, thông tin báo cháy chậm; lực lượng phòng cháy, chữa cháy tại chỗ hoạt động kém hiệu quả; công tác tuyên truyền nâng cao ý thức chấp hành quy định, nội quy, yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy còn hạn chế; cư dân sống trong chung cư chưa tích cực tham gia thường xuyên các buổi tuyên truyền, hướng dẫn về công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện trong việc đảm bảo an toàn về phòng cháy và chữa cháy còn nhiều bất cập; công tác chỉ đạo khắc phục những vi phạm có nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy và xử lý hành vi vi phạm quy định an toàn về phòng cháy và chữa cháy trong chung cư, nhà cao tầng chưa kiên quyết.

Nhằm hạn chế đến mức thấp nhất các nguy cơ xảy ra cháy gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản tại các chung cư và nhà cao tầng, Ủy ban nhân dân thành

phổ chỉ thị:

**1. Thủ trưởng các Sở, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị tập trung thực hiện tốt những nhiệm vụ sau đây:**

a) Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Chỉ thị số 47-CT/TW ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác phòng cháy, chữa cháy và Chỉ thị số 31-CT/TU ngày 27 tháng 3 năm 2015 của Ban Thường vụ Thành ủy về tăng cường sự lãnh đạo công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn thành phố; Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về tăng cường công tác tuyên truyền phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; Chỉ thị số 19/2012/CT-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về xây dựng phong trào toàn dân tham gia phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn thành phố; Chỉ thị số 22/2013/CT-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về triển khai thực hiện các biện pháp ngăn chặn cháy lớn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2017 về tăng cường các giải pháp đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy đối với nhà ở hộ gia đình và nhà ở kết hợp kinh doanh, sản xuất trên địa bàn thành phố.

b) Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng, các cơ quan đơn vị chức năng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kiến thức phòng cháy, chữa cháy; các kiến thức trong việc sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt an toàn tại chung cư, nhà cao tầng; các biện pháp, giải pháp, kỹ năng thoát nạn, cứu nạn trong mọi tình huống. Trong đó tập trung tuyên truyền về trách nhiệm, nghĩa vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, người dân trong công tác phòng cháy, chữa cháy; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, Lực lượng vũ trang và các đoàn thể chính trị - xã hội tuyên truyền vận động quần chúng nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân phòng cháy, chữa cháy.

c) Phối hợp chặt chẽ với Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy thành phố rà soát thống kê đánh giá điều kiện an toàn phòng cháy, chữa cháy đối với chung cư, nhà cao tầng. Công bố danh sách chung cư, nhà cao tầng chưa thành lập Ban Quản lý, Ban Quản trị và không tổ chức thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các nội dung yêu cầu kiến nghị về an toàn phòng cháy, chữa cháy và vi phạm trong đầu tư xây dựng.

d) Tăng cường phối hợp công tác kiểm tra, giám sát trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa



cháy, kịp thời chấn chỉnh những hạn chế yếu kém, xử lý nghiêm những cá nhân, tổ chức vi phạm các quy định về an toàn phòng cháy và chữa cháy.

## **2. Ủy ban nhân dân các quận, huyện**

a) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn tăng cường công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân thực hiện đúng quyền và trách nhiệm của mình trong công tác quản lý, sử dụng chung cư, nhà cao tầng theo quy định pháp luật; đảm bảo thực hiện trách nhiệm quản lý Nhà nước đối với chung cư trên địa bàn theo quy định tại Điều 48, Điều 49 Quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư ban hành kèm theo Thông tư số 02/2016/TT-BXD ngày 15 tháng 02 năm 2016 của Bộ Xây dựng.

b) Tăng cường công tác kiểm tra và xử lý kịp thời đối với các hành vi vi phạm xây dựng, vi phạm các quy định quản lý, sử dụng chung cư, nhà cao tầng; phối hợp với các đơn vị liên quan giải quyết xử lý các chung cư, nhà cao tầng chưa hoàn tất các thủ tục nghiệm thu phòng cháy, chữa cháy và hoàn công xây dựng công trình đã đưa vào hoạt động và phải có biện pháp ngăn ngừa phát sinh các trường hợp tương tự.

c) Tiếp tục chủ động tổ chức thực hiện Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về ủy quyền, phân công cho Ủy ban nhân dân các quận, huyện thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn liên quan thủ tục đầu tư cải tạo, sửa chữa chung cư cũ, xây dựng chung cư mới thay thế chung cư cũ được đầu tư xây dựng trước năm 1975 và Kế hoạch số 1776/KH-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức thực hiện chương trình cải tạo, sửa chữa chung cư cũ, xây dựng chung cư mới thay thế chung cư cũ trên địa bàn thành phố, giai đoạn 2016-2020. Đối với những chung cư trước năm 2005 phải có phương án đầu tư trang bị, duy tu, bảo dưỡng, bổ sung hệ thống thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định hiện hành.

d) Thống kê đầy đủ, chi tiết tình hình chung cư, nhà cao tầng trên địa bàn, phân loại cụ thể về tình hình quản lý vận hành từng chung cư, nhà cao tầng theo hướng dẫn của Sở Xây dựng; kiểm tra, xử lý vi phạm các chủ đầu tư không bàn giao, bàn giao chậm, bàn giao không đầy đủ hoặc bàn giao không đúng đối tượng nhận kinh phí bảo trì phần sở hữu chung nhà chung cư, cao tầng theo quy định tại Điểm b Khoản 7 và Điểm i Khoản 10 Điều 66 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ;

đ) Hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện chủ trì tổ chức hội nghị nhà chung cư để thành lập Ban quản trị chung cư; phối hợp Ban quản trị, Ban quản lý trong việc vận

hành, quản lý, sử dụng nhà chung cư theo Điều 38, Mục 5, Thông tư số 02/2016/TT-BXD ngày 15 tháng 02 năm 2016 của Bộ Xây dựng. Phải trực tiếp xử lý những mâu thuẫn giữa chủ đầu tư với cư dân, Ban quản trị; hướng dẫn thực hiện thành lập Ban Quản trị chung cư, xây dựng quy chế phối hợp giữa Chủ đầu tư và Ban Quản trị chung cư; đến tháng 12 năm 2018 phần đầu 100% chung cư có Ban Quản trị; hình thành các tổ chức chính trị, chính trị-xã hội tại từng chung cư (nếu đủ điều kiện).

e) Phối hợp Sở Xây dựng, Sở Nội vụ nghiên cứu triển khai mô hình Ban quản trị chung cư gắn với khu phố, tổ dân phố nhằm đảm bảo an ninh trật tự trong nhà chung cư; phối hợp với các đoàn thể chính trị - xã hội đẩy mạnh thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

### **3. Sở Xây dựng**

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo triển khai thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về quản lý, sử dụng nhà chung cư trên địa bàn thành phố theo Quy chế quản lý, sử dụng chung cư ban hành kèm theo Thông tư số 02/2016/TT-BXD ngày 15 tháng 02 năm 2016 và Thông tư số 28/2016/TT-BXD ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Bộ Xây dựng; Phối hợp hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận, huyện triển khai thực hiện nghiêm Thông tư số 02/2016/TT-BXD của Bộ Xây dựng, từ đó làm cơ sở để quản lý chặt chẽ trong quá trình sử dụng chung cư, quy định được trách nhiệm trong đầu tư xây dựng và phòng cháy, chữa cháy; phối hợp các cơ quan chức năng tổ chức kiểm tra, xử lý nghiêm những hành vi vi phạm quy định trong lĩnh vực xây dựng và phòng cháy, chữa cháy.

b) Tiếp tục tổ chức, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ cho Ủy ban nhân dân quận, huyện, chủ đầu tư, đơn vị quản lý vận hành, Ban Quản trị và cư dân các quy định pháp luật về công tác quản lý vận hành, quản lý chất lượng, công tác sửa chữa, cải tạo chung cư, nhà cao tầng trên địa bàn thành phố;

c) Chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân quận, huyện, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy thành phố tăng cường công tác kiểm tra, phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm trong đầu tư xây dựng; không cấp giấy phép xây dựng khi công trình chưa được cơ quan Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy; không nghiệm thu và cấp văn bản cho phép công trình được đưa vào hoạt động khi chưa được cấp văn bản nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy.

d) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện công tác thống kê, tổng hợp tình hình chung cư, nhà cao tầng trên địa bàn thành phố; báo cáo, đề xuất Ủy ban

nhân dân thành phố chỉ đạo.

đ) Chủ trì, phối hợp Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo thực hiện việc liên thông phê duyệt dự án, thiết kế quy hoạch xây dựng, cấp giấy phép xây dựng, thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy đối với các dự án, công trình xây dựng trên địa bàn thành phố; trình Ủy ban nhân dân thành phố giải pháp khi cấp Giấy phép xây dựng nhà chung cư phải đảm bảo việc đánh giá tác động giao thông, môi trường, phòng cháy, chữa cháy và đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại nơi triển khai dự án xây dựng chung cư, nhà cao tầng.

e) Theo dõi đôn đốc, hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2017 và Kế hoạch số 1776/KH-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về tiến độ thực hiện, vướng mắc, khó khăn để đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố kịp thời chỉ đạo;

g) Phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận, huyện xử lý 474 chung cư xây dựng trước năm 1975. Đối với các công trình thuộc diện cải tạo, xây dựng mới phải hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện đúng những quy định về điều kiện an toàn phòng cháy, chữa cháy và xây dựng theo quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành. Nghiên cứu tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố phối hợp Bộ Xây dựng đề xuất Chính phủ có cơ chế chính sách phù hợp nhằm khuyến khích các nhà đầu tư ở trong và ngoài nước đầu tư xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa những chung cư đã được xây dựng từ trước năm 1975.

h) Chủ trì xây dựng Quy chế phối hợp thực hiện giữa các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến các hoạt động đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng, an toàn phòng cháy, chữa cháy chung cư, nhà cao tầng (trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành trong tháng 6 năm 2018).

i) Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý đối với các chủ đầu tư và nhà thầu thi công có hành vi vi phạm về công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo quy định tại Khoản 1, Khoản 5, Điều 17 và Khoản 3, Khoản 4, Điều 34 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử

dụng nhà và công sở.

#### **4. Sở Tư pháp**

a) Chủ trì, phối hợp Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy thành phố, Sở Xây dựng, các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các quận, huyện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh về lĩnh vực xây dựng và phòng cháy, chữa cháy tham mưu đề xuất kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương sửa đổi, bổ sung những quy định còn bất cập, vướng mắc, thiếu khả thi trong công tác quản lý chung cư, nhà cao tầng. Trong đó, tập trung kiến nghị tăng cường những chế tài, nâng cao mức phạt và biện pháp khắc phục hậu quả đối với trường hợp chủ đầu tư cho sử dụng công trình khi chưa được nghiệm thu, hoàn công về phòng cháy, chữa cháy và xây dựng.

b) Nghiên cứu tham mưu xây dựng quy trình, thủ tục đảm bảo yếu tố pháp lý và những điều kiện liên quan khác để tổ chức xử lý, cưỡng chế các trường hợp cố tình vi phạm kéo dài về phòng cháy, chữa cháy (trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành trong tháng 4 năm 2018); nếu xét thấy cần thiết báo cáo đề xuất Thủ tướng Chính phủ cho phép thực hiện biện pháp chế tài ở mức cao hơn theo cơ chế đặc thù tại thành phố.

#### **5. Công an thành phố**

a) Hướng dẫn thực hiện công tác đảm bảo an toàn trật tự trong nhà ở chung cư; tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện theo quy định luật cư trú tại các chung cư theo địa bàn quản lý.

b) Tổ chức hướng dẫn nghiệp vụ cho Ban Quản trị chung cư, lực lượng bảo vệ và các lực lượng khác có liên quan bảo đảm an ninh, phòng chống các loại tội phạm; đối với những chung cư, nhà cao tầng có điều kiện yêu cầu chủ đầu tư trang bị hệ thống kiểm soát an ninh, an toàn tại chung cư, nhà cao tầng.

c) Phối hợp với các đơn vị liên quan khẩn trương tổ chức điều tra làm rõ nguyên nhân khi xảy ra cháy, nổ trong chung cư, nhà cao tầng và kịp thời xử lý nghiêm theo quy định pháp luật; đề xuất xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định an toàn trong đầu tư xây dựng có khả năng dẫn đến cháy, nổ gây hậu quả thiệt hại nghiêm trọng.

#### **6. Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy thành phố**

a) Tăng cường chức năng quản lý Nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, thường xuyên tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy tại các chung cư, nhà cao tầng trên địa bàn để kịp thời phát hiện và yêu cầu cơ sở khắc phục ngay các sai phạm, sơ hở, thiếu sót. Kiên quyết xử lý

nghiêm các trường hợp vi phạm. Trong kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy cần tập trung kiểm tra các điều kiện an toàn của lối thoát nạn, giải pháp ngăn cháy và hoạt động của các hệ thống phòng cháy, chữa cháy.

Đối với nhà chung cư cao tầng chưa nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy đã đưa dân vào sinh sống phải tiếp tục phối hợp các sở, ngành chức năng, Ủy ban nhân dân quận, huyện tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy, những cam kết thực hiện của chủ đầu tư để tổ chức nghiệm thu công trình đưa vào hoạt động theo quy định pháp luật. Việc kiểm tra khắc phục các vi phạm về phòng cháy, chữa cháy (15 ngày/lần); lập biên bản nêu rõ việc thực hiện những cam kết của chủ đầu tư; ra thông báo tạm đình chỉ, đình chỉ khi cần thiết. Sau khi xử phạt xong, nếu chủ đầu tư không khắc phục, đề xuất chính quyền địa phương tổ chức cưỡng chế theo quy định.

b) Hướng dẫn chủ đầu tư, nhà thầu xây dựng, đơn vị tư vấn, giám sát thi công công trình chung cư, nhà cao tầng phải nghiên cứu và thực hiện nghiêm ngay từ đầu những quy định về phòng cháy, chữa cháy; các thiếu sót phát hiện phải có văn bản kiến nghị các đơn vị trên khắc phục, điều chỉnh bổ sung đầy đủ vào hồ sơ thiết kế. Công tác thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy đối với công trình chung cư, nhà cao tầng phải xem xét kiểm tra, đối chiếu đầy đủ các nội dung yêu cầu về an toàn phòng cháy, chữa cháy theo quy định. Kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy phải căn cứ hồ sơ thiết kế được thẩm duyệt, các thiết bị phòng cháy, chữa cháy phải có giấy chứng nhận kiểm định chất lượng, chủng loại; các hệ thống phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan phải kiểm tra thử nghiệm hoạt động thực tế; công trình chỉ được cấp giấy chứng nhận nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy khi thi công đúng theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt và thực hiện đầy đủ các yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

c) Hướng dẫn chủ đầu tư chung cư, nhà cao tầng thường xuyên tự kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy, bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống kỹ thuật phòng cháy, chữa cháy, phương tiện chữa cháy đã trang bị, lắp đặt trong công trình; thường xuyên kiểm tra, củng cố và duy trì hoạt động của lực lượng tại chỗ; mở lớp huấn luyện, nâng cao trình độ nghiệp vụ công tác phòng cháy, chữa cháy nhằm nâng cao trách nhiệm và khả năng hoạt động của lực lượng này trong việc thực hiện tổ chức kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện điều kiện an toàn phòng cháy, chữa cháy, đảm bảo xử lý kịp thời các vụ cháy nổ ngay từ khi mới phát sinh, không để cháy lan, cháy lớn gây hậu quả thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản tại nhà chung cư, nhà cao

tầng; thường xuyên tổ chức thực tập phương án phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, giả định các tình huống để lực lượng cơ sở thực tập thuần thục các thao tác sử dụng phương tiện chữa cháy để có thể dễ dàng xử lý các tình huống khi có sự cố cháy, nổ, chủ động trong việc phòng và chữa cháy; xây dựng các mô hình thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy tại chung cư, nhà cao tầng.

d) Rà soát, bổ sung các phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ nhà chung cư, nhà cao tầng; đối với các chung cư cao tầng có quy mô lớn, đông người cần có phương án phối hợp nhiều lực lượng trong công tác chữa cháy, cứu nạn. Trong các phương án cần tận dụng triệt để các điều kiện có sẵn về phòng cháy, chữa cháy để phục vụ cho công tác cứu chữa như: bể nước, trụ nước, họng tiếp nước bổ sung, họng chờ của các tầng cho lực lượng chữa cháy, họng nước vách tường, hệ thống chữa cháy tự động, buồng thang an toàn, hành lang an toàn, thang chữa cháy ngoài nhà, thang máy phục vụ chữa cháy, hệ thống thoát khói, chiếu sáng sự cố.

đ) Nghiên cứu đề xuất trang bị những phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cần thiết đối với chung cư cao tầng; tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố đề xuất cập nhật, bổ sung những tiêu chuẩn, quy chuẩn về xây dựng và phòng cháy, chữa cháy cho phù hợp với điều kiện thực tiễn hiện nay (như: bố trí tầng lánh nạn đối với chung cư trên 10 tầng, bãi đỗ trực thăng đối với công trình từ 20 tầng trở lên, kết nối trung tâm cảnh báo cháy sớm của Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy thành phố).

e) Tổ chức công tác điều tra cơ bản, lập danh sách nhà cao tầng, nhà ở chung cư có nguy cơ xảy ra cháy lớn, hậu quả thiệt hại nghiêm trọng để tập trung triển khai các biện pháp quản lý chặt chẽ, hiệu quả về an toàn phòng cháy, chữa cháy. Công bố công khai danh sách các chung cư an toàn, chung cư chưa an toàn theo các cấp loại A, B, C, D cho Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn, cư dân biết để phối hợp giám sát. Trong trường hợp cần thiết thông tin định kỳ tình trạng chung cư trên các phương tiện thông tin đại chúng (phải hoàn thành, công bố trong tháng 9 năm 2018).

g) Nghiên cứu, biên soạn sổ tay cầm nang an toàn phòng cháy, chữa cháy nhà và cứu nạn cứu hộ ở nhà chung cư (hoàn thành và triển khai thực hiện trước ngày 30 tháng 6 năm 2018).

**7. Đài Truyền hình thành phố, Đài Tiếng nói nhân dân thành phố và các cơ quan báo, đài khác có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy thành phố tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn chủ đầu tư, Ban Quản trị, Ban Quản lý và người dân trong chung cư, nhà cao tầng thực hiện các**

quy định về phòng cháy, chữa cháy, nâng cao nhận thức, ý thức phòng ngừa cháy, nổ, trang bị kỹ năng chữa cháy, thoát nạn, cứu người.... bằng nhiều hình thức đa dạng trên các phương tiện thông tin đại chúng. Nghiên cứu nâng cao chất lượng, tăng thời lượng, tần suất các chuyên mục “Toàn dân tham gia phòng cháy, chữa cháy”, VOV giao thông, xây dựng và đăng tải, phát sóng các chuyên mục, phóng sự, tiểu phẩm tuyên truyền, giới thiệu gương người tốt, việc tốt, các mô hình, cách làm hay, hiệu quả về phòng cháy, chữa cháy, những vi phạm quy định về an toàn phòng cháy, chữa cháy,... vào những khung giờ vàng, thời điểm thuận lợi để người dân thuận tiện theo dõi; phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện công bố danh sách các chung cư, nhà cao tầng không tổ chức thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn phòng cháy, chữa cháy và vi phạm trong đầu tư xây dựng.

**8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, Thành đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố, Liên đoàn Lao động thành phố, Hội Nông dân thành phố và Hội Cựu chiến binh thành phố** tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân tích cực tham gia những hoạt động phòng cháy, chữa cháy, giám sát việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy tại các nhà chung cư, nhà cao tầng.

### **9. Hiệp hội Bất động sản thành phố**

Tổ chức sinh hoạt, tuyên truyền, hướng dẫn hội viên chấp hành nghiêm túc quy định của pháp luật trên lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và xây dựng trong quá trình thi công và sử dụng công trình; theo dõi, nắm bắt những khó khăn, vướng mắc của các chủ đầu tư dự án, những vi phạm về lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và xây dựng từ đó chủ động trao đổi, phối hợp với Sở Xây dựng, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy thành phố và các cơ quan chức năng kịp thời tháo gỡ, chấn chỉnh hoặc kiến nghị cơ quan cấp trên giải quyết.

Thủ trưởng các Sở, ban ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện Chỉ thị này./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Phong**

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng